

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA 1

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
	NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (186)								
1	25.01.01.0001	Nguyễn Hồ Thanh	An	Nam	19/11/1995	8.00	7.00	15.00	
2	25.01.01.0002	Nguyễn Đăng	An	Nam	04/12/1993	8.00	6.50	14.50	
3	25.01.01.0003	Hồ Thực	Anh	Nữ	26/03/1998	9.00	8.00	17.00	
4	25.01.01.0004	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	27/12/1997	8.00	6.50	14.50	
5	25.01.01.0005	Phạm Ngọc Đông	Anh	Nữ	26/04/1997	7.50	5.00	12.50	
6	25.01.01.0006	Đỗ Thị	Ái	Nữ	05/11/1996	8.00	5.50	13.50	
7	25.01.01.0007	Đào Thị Bảo	Ánh	Nữ	18/03/1997	7.50	7.50	15.00	
8	25.01.01.0008	Đồng Phương	Ân	Nữ	19/08/1997	7.50	7.00	14.50	
9	25.01.01.0009	Trần Ngọc Hoàng	Bảo	Nam	17/11/1998	7.50	7.00	14.50	
10	25.01.01.0010	Huỳnh Thanh	Bình	Nam	19/02/1994	7.50	7.50	15.00	
11	25.01.01.0011	Vũ Ngô Uy	Bình	Nam	25/04/1995	8.00	6.00	14.00	
12	25.01.01.0012	Nguyễn Huy	Bình	Nam	24/03/1996	8.50	7.00	15.50	
13	25.01.01.0013	Biện Minh	Chi	Nữ	30/12/1993	6.00	4.00	10.00	
14	25.01.01.0014	Cao Hồng	Chiến	Nam	06/08/1996	v	v	0.00	
15	25.01.01.0015	Bùi	Cương	Nam	02/05/1995	7.50	5.00	12.50	
16	25.01.01.0016	Nguyễn Nguyễn Quốc	Cường	Nam	01/11/1995	7.50	3.50	11.00	
17	25.01.01.0017	Lê Minh	Cường	Nam	20/07/1999	10.00	5.50	15.50	
18	25.01.01.0018	Lê Quang Minh	Cường	Nam	17/08/1997	5.50	4.00	9.50	
19	25.01.01.0019	Nguyễn Phú	Dăng	Nam	04/04/1997	6.50	5.00	11.50	
20	25.01.01.0020	Nguyễn Cồ	Diễm	Nữ	23/02/1997	6.00	6.00	12.00	
21	25.01.01.0021	Trần Thị Ngọc	Diễm	Nữ	08/06/1997	9.00	7.50	16.50	
22	25.01.01.0022	Trương Ngọc	Diễm	Nữ	28/10/1992	v	v	0.00	
23	25.01.01.0023	Trần Ngọc	Diệu	Nữ	30/06/1994	9.50	4.00	13.50	
24	25.01.01.0024	Hồ Mĩ An	Diệu	Nữ	1/6/1998	7.50	4.00	11.50	+1CS
25	25.01.01.0025	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	31/01/1995	5.50	4.00	9.50	
26	25.01.01.0026	Kiều Diễm Kim	Duyên	Nữ	18/09/1995	8.00	7.00	15.00	
27	25.01.01.0027	Bùi Thanh	Duyên	Nữ	17/05/1996	7.00	6.50	13.50	
28	25.01.01.0028	Tài Cao Kỳ	Duyên	Nữ	15/09/1995	8.50	7.00	15.50	+1CS
29	25.01.01.0029	Phạm Quốc	Dũng	Nam	24/06/1995	7.50	6.00	13.50	
30	25.01.01.0030	Trương Tuyết Thùy	Dương	Nữ	19/04/1991	v	v	0.00	
31	25.01.01.0031	Phạm Hồng	Đức	Nam	28/10/1997	8.50	7.00	15.50	
32	25.01.01.0032	Lê Huỳnh	Đức	Nam	15/09/1996	5.50	6.00	11.50	
33	25.01.01.0033	Lai Việt	Đức	Nam	06/07/1991	5.50	5.00	10.50	
34	25.01.01.0034	Trần Hoàng Hương	Giang	Nữ	25/07/1997	9.00	6.00	15.00	
35	25.01.01.0035	Đặng Văn	Hạnh	Nam	05/06/1994	7.50	6.00	13.50	
36	25.01.01.0036	Trần Thị Thanh	Hà	Nữ	01/06/1994	8.00	5.00	13.00	

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
					CS	CN		
37	25.01.01.0037	Lý Thị Hà	Nữ	16/11/1992	v	v	0.00	
38	25.01.01.0038	Đổng Thanh Hà	Nữ	06/06/1995	8.00	7.00	15.00	
39	25.01.01.0039	Nguyễn Thanh Hải	Nam	02/07/1994	7.50	6.50	14.00	
40	25.01.01.0040	Nguyễn Tuấn Hải	Nam	02/05/1999	8.50	6.00	14.50	
41	25.01.01.0041	Phạm Thị Hằng	Nữ	16/06/1990	5.50	4.00	9.50	
42	25.01.01.0042	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Nữ	10/10/1993	8.50	7.50	16.00	
43	25.01.01.0043	Phạm Thị Phương Hằng	Nữ	06/01/1994	7.00	5.50	12.50	
44	25.01.01.0044	Nguyễn Hoàng Gia Hân	Nữ	16/12/1997	8.00	7.00	15.00	
45	25.01.01.0045	Cao Văn Hiền	Nam	02/09/1997	7.00	5.00	12.00	
46	25.01.01.0046	Mai Thị Nguyễn Hiếu	Nữ	06/06/1996	v	v	0.00	
47	25.01.01.0047	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	15/02/1996	6.50	5.00	11.50	
48	25.01.01.0048	Đặng Trung Hiếu	Nam	01/01/1995	6.00	5.00	11.00	
49	25.01.01.0049	Lê Thị Hiếu	Nữ	04/03/1984	v	v	0.00	
50	25.01.01.0050	Nguyễn Thị Thuý Hoà	Nữ	18/06/1994	8.00	4.00	12.00	
51	25.01.01.0051	Nguyễn Dương Thái Hoà	Nam	17/10/1998	8.50	7.50	16.00	
52	25.01.01.0052	Nguyễn Hồ Minh Hoàng	Nam	17/10/1997	8.00	6.00	14.00	
53	25.01.01.0053	Lại Ngọc Hoàng	Nam	08/09/1976	8.00	5.50	13.50	+1CS
54	25.01.01.0054	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	17/07/1991	10.00	4.00	14.00	
55	25.01.01.0055	Hồ Xuân Hoàng	Nam	06/02/1998	8.50	5.00	13.50	
56	25.01.01.0056	Vũ Đỗ Hoàng	Nam	06/04/1996	6.50	6.00	12.50	
57	25.01.01.0057	Trần Đình Hoàng	Nam	08/01/1996	8.00	5.50	13.50	
58	25.01.01.0058	Đàm Thị Hợi	Nữ	15/05/1989	5.50	4.00	9.50	
59	25.01.01.0059	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	13/04/1994	8.00	8.50	16.50	
60	25.01.01.0060	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	12/05/1995	8.50	5.50	14.00	
61	25.01.01.0061	Bùi Thị Huyền	Nữ	19/01/1991	v	v	0.00	
62	25.01.01.0062	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	16/08/1998	7.50	5.50	13.00	
63	25.01.01.0063	Lê Thị Minh Huyền	Nữ	20/03/1997	8.00	6.50	14.50	
64	25.01.01.0064	Bùi Thị Mai Hương	Nữ	31/01/1995	6.50	4.00	10.50	
65	25.01.01.0065	Bùi Thị Ngọc Hương	Nữ	08/02/1997	6.50	4.00	10.50	
66	25.01.01.0066	Vy Thị Bảo Hương	Nữ	10/04/1985	6.50	4.00	10.50	
67	25.01.01.0067	Lộc Thị Hường	Nữ	05/08/1995	9.00	7.00	16.00	+1CS
68	25.01.01.0068	Lê Cao Khanh	Nam	29/03/1998	8.00	6.00	14.00	
69	25.01.01.0069	Nguyễn Đắc Đăng Khoa	Nam	20/05/1994	7.50	6.00	13.50	
70	25.01.01.0070	Trần Đăng Khoa	Nam	10/07/1990	v	v	0.00	+1CS
71	25.01.01.0071	Mai Hữu Đăng Khoa	Nam	15/11/1994	7.50	6.00	13.50	
72	25.01.01.0072	Trương Anh Khoa	Nam	22/10/1997	7.50	4.00	11.50	
73	25.01.01.0073	Dương Minh Khuê	Nữ	28/06/1993	v	v	0.00	
74	25.01.01.0074	Trần Tuấn Kiệt	Nam	23/09/1997	10.00	7.50	17.50	
75	25.01.01.0075	Nguyễn Kỳ	Nam	06/03/1994	9.00	7.00	16.00	
76	25.01.01.0076	Trần Ngọc Trúc Lâm	Nữ	02/02/1996	7.50	6.50	14.00	
77	25.01.01.0077	Trần Ngọc Lâm	Nam	16/05/1997	6.00	4.00	10.00	
78	25.01.01.0078	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	07/09/1996	6.50	4.00	10.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
79	25.01.01.0079	Trần Thị Thủy	Liên	Nữ	17/11/1995	6.50	6.50	13.00	
80	25.01.01.0080	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	05/11/1998	7.50	5.50	13.00	
81	25.01.01.0081	Hoàng Phương	Linh	Nữ	16/08/1991	7.50	5.50	13.00	
82	25.01.01.0082	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	20/07/1996	5.00	3.50	8.50	+1CS
83	25.01.01.0083	Phan Tổ	Loan	Nữ	02/08/1989	8.50	7.00	15.50	
84	25.01.01.0084	Nguyễn Đức	Long	Nam	24/06/1996	8.50	8.00	16.50	
85	25.01.01.0085	Nguyễn Xuân	Long	Nam	01/10/1994	v	v	0.00	
86	25.01.01.0086	Trần Hoàng	Long	Nam	09/07/1993	5.00	4.00	9.00	
87	25.01.01.0087	A	Lưu	Nam	07/02/1982	6.00	3.00	9.00	+1CS
88	25.01.01.0088	Kiều Tiến	Lực	Nam	16/01/1991	9.50	8.00	17.50	
89	25.01.01.0089	Bùi Khánh	Ly	Nữ	12/06/1995	6.50	4.00	10.50	
90	25.01.01.0090	Ká	Mần	Nữ	08/05/1992	5.00	v	5.00	
91	25.01.01.0091	Bùi Trúc	Minh	Nữ	29/06/1995	8.00	6.50	14.50	
92	25.01.01.0092	Nguyễn Châu Cao	Minh	Nữ	22/04/1995	6.50	5.00	11.50	
93	25.01.01.0093	Phạm Thị Hồng	Mỹ	Nữ	05/09/1997	9.00	7.00	16.00	
94	25.01.01.0094	Đậu Thị Việt	Mỹ	Nữ	14/08/1995	7.00	6.00	13.00	
95	25.01.01.0095	Nguyễn Hồ Nhật	Nam	Nam	12/08/1997	5.50	4.00	9.50	
96	25.01.01.0096	Nguyễn Liên Khoa	Nam	Nam	01/02/1997	7.00	5.50	12.50	
97	25.01.01.0097	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	28/02/1994	8.00	7.50	15.50	
98	25.01.01.0098	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	27/05/1993	7.50	6.00	13.50	
99	25.01.01.0099	Phạm Thị Ngọc	Ngân	Nữ	14/12/1996	9.50	6.50	16.00	
100	25.01.01.0100	Hồ Thị Thanh	Ngân	Nữ	10/11/1998	8.50	5.00	13.50	
101	25.01.01.0101	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	Nữ	09/04/1992	9.00	3.50	12.50	
102	25.01.01.0102	Huỳnh Trọng	Nghĩa	Nam	20/05/1995	7.50	5.50	13.00	
103	25.01.01.0103	Mạc Thị Hạnh	Nghĩa	Nữ	10/04/1996	8.00	7.50	15.50	
104	25.01.01.0104	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	16/09/1989	8.00	4.00	12.00	
105	25.01.01.0105	Lâm Quý	Nghĩa	Nam	30/09/1994	6.50	4.00	10.50	
106	25.01.01.0106	Nguyễn Thế	Nghĩa	Nam	25/01/1996	4.00	3.50	7.50	
107	25.01.01.0107	Nguyễn Văn	Nghị	Nam	14/09/1990	8.00	6.00	14.00	
108	25.01.01.0108	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	17/03/1997	9.00	7.50	16.50	
109	25.01.01.0109	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	02/03/1995	9.00	7.50	16.50	
110	25.01.01.0110	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	02/02/1996	9.00	8.00	17.00	
111	25.01.01.0111	Huỳnh Phạm Yến	Nhi	Nữ	15/09/1995	5.50	6.00	11.50	
112	25.01.01.0112	Trần Nguyễn An	Nhi	Nữ	06/02/1995	7.50	5.50	13.00	
113	25.01.01.0113	Trần Hạnh	Nhi	Nữ	03/05/1999	6.00	4.00	10.00	
114	25.01.01.0114	Phạm Hồng An	Nhiên	Nữ	03/03/1995	6.50	4.00	10.50	
115	25.01.01.0115	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/04/1990	5.50	4.00	9.50	
116	25.01.01.0116	Trương Phước Phương	Như	Nữ	12/06/1999	8.00	7.00	15.00	
117	25.01.01.0117	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24/04/1987	6.00	5.50	11.50	
118	25.01.01.0118	Phạm Phú	Phúc	Nam	08/07/1993	v	v	0.00	
119	25.01.01.0119	Huỳnh	Phúc	Nam	24/03/1994	v	v	0.00	
120	25.01.01.0120	Phạm Ngọc Viên	Phúc	Nữ	24/06/1996	8.00	7.00	15.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
121	25.01.01.0121	Vũ Thị Minh	Phương	Nữ	27/04/1997	7.00	5.50	12.50	
122	25.01.01.0122	Nguyễn Uyên	Phương	Nữ	11/02/1991	9.00	8.00	17.00	
123	25.01.01.0123	Phan Thị	Phượng	Nữ	21/05/1981	7.00	5.50	12.50	
124	25.01.01.0124	Ngô Hồng	Phượng	Nam	20/11/1988	7.50	7.50	15.00	
125	25.01.01.0125	Nguyễn Xuân	Quang	Nam	21/03/1997	8.00	5.50	13.50	
126	25.01.01.0126	Lê Khắc Minh	Quân	Nam	05/11/1996	8.00	5.50	13.50	
127	25.01.01.0127	Lương Tổ	Quyên	Nữ	10/03/1991	8.50	6.00	14.50	
128	25.01.01.0128	Đàm Tú	Quyên	Nữ	31/03/1997	8.00	7.00	15.00	
129	25.01.01.0129	Võ Hữu	Quyên	Nam	02/05/1992	7.00	6.00	13.00	
130	25.01.01.0130	Trần Văn	Quyên	Nam	09/08/1984	v	v	0.00	
131	25.01.01.0131	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	16/08/1993	v	v	0.00	
132	25.01.01.0132	Từ Thị Như	Quỳnh	Nữ	01/06/1989	8.00	4.00	12.00	
133	25.01.01.0133	Đoàn	Sang	Nam	18/01/1994	8.00	5.50	13.50	
134	25.01.01.0134	Tiêu Thanh	Sái	Nam	10/09/1996	9.00	8.50	17.50	
135	25.01.01.0135	Phạm Thị Ngọc	Sương	Nữ	02/07/1993	7.50	6.50	14.00	
136	25.01.01.0136	Tôn Thất Hữu	Tài	Nam	11/03/1997	7.00	6.00	13.00	
137	25.01.01.0137	Lê Nguyễn Công	Tạo	Nam	25/12/1994	7.00	5.50	12.50	
138	25.01.01.0138	Lê Thanh	Tâm	Nam	05/06/1994	v	v	0.00	
139	25.01.01.0139	Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	15/12/1995	6.00	5.00	11.00	
140	25.01.01.0140	Văn Hòa Nhật	Thanh	Nữ	21/02/1996	7.00	5.00	12.00	
141	25.01.01.0141	Trần Đình	Thành	Nam	20/02/1994	8.50	5.50	14.00	
142	25.01.01.0142	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	09/05/1997	6.50	4.00	10.50	
143	25.01.01.0143	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	Nữ	28/12/1996	8.50	6.00	14.50	
144	25.01.01.0144	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	05/07/1994	7.00	6.50	13.50	
145	25.01.01.0145	Nguyễn Thị Anh	Thảo	Nữ	10/9/1973	v	v	0.00	
146	25.01.01.0146	Nguyễn Thị Mai	Thảo	Nữ	25/05/1995	6.50	5.50	12.00	
147	25.01.01.0147	Nguyễn Trọng	Thái	Nam	31/12/1977	8.00	7.00	15.00	
148	25.01.01.0148	Bùi Công	Thắng	Nam	23/11/1990	8.50	7.00	15.50	
149	25.01.01.0149	Phạm Hồng	Thắng	Nam	05/11/1998	6.00	5.00	11.00	
150	25.01.01.0150	Bùi Đức	Thắng	Nam	16/01/1997	7.50	6.50	14.00	
151	25.01.01.0151	Phan Vĩnh Phúc	Thiện	Nữ	03/05/1997	9.00	5.00	14.00	
152	25.01.01.0152	Lê Quang	Thiện	Nam	03/03/1981	v	v	0.00	
153	25.01.01.0153	Đoàn Hồng	Thiện	Nữ	20/10/1979	7.00	5.50	12.50	
154	25.01.01.0154	Nguyễn Lê Phú	Thịnh	Nam	08/01/1996	5.50	6.50	12.00	
155	25.01.01.0155	Đỗ Nguyễn Xuân	Thọ	Nam	20/05/1995	6.50	6.00	12.50	
156	25.01.01.0156	Trần Thị Hạnh	Thu	Nữ	05/01/1994	7.00	5.50	12.50	
157	25.01.01.0157	Đỗ Thị Như	Thùy	Nữ	02/02/1995	6.00	6.50	12.50	
158	25.01.01.0158	Trần Ngọc	Thùy	Nữ	14/01/1998	6.50	7.00	13.50	
159	25.01.01.0159	Đỗ Minh	Thư	Nữ	19/01/1997	6.50	4.00	10.50	
160	25.01.01.0160	Trần Dương Minh	Thư	Nữ	18/09/1997	8.50	7.00	15.50	
161	25.01.01.0161	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	15/12/1991	5.50	3.50	9.00	
162	25.01.01.0162	Hoàng Thị Minh	Thư	Nữ	28/01/1988	8.50	7.50	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
163	25.01.01.0163	Lê Thanh	Thư	Nữ	14/03/1995	7.00	4.00	11.00	
164	25.01.01.0164	Lê Thị	Thương	Nữ	03/02/1994	7.50	7.00	14.50	
165	25.01.01.0165	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	08/06/1996	7.50	6.00	13.50	
166	25.01.01.0166	Diệp Hoàng Mỹ	Tiên	Nữ	24/02/1995	7.50	5.50	13.00	
167	25.01.01.0167	Nguyễn Quốc	Tiến	Nam	28/04/1993	6.50	5.00	11.50	
168	25.01.01.0168	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	17/08/1996	8.50	7.50	16.00	
169	25.01.01.0169	Võ Hiền	Trâm	Nữ	02/10/1998	8.00	5.00	13.00	
170	25.01.01.0170	Nguyễn Lê Yến	Trâm	Nữ	09/11/1995	8.00	5.00	13.00	
171	25.01.01.0171	Lê Nguyễn Huyền	Trân	Nữ	04/02/1995	8.00	4.00	12.00	
172	25.01.01.0172	Nguyễn Mỹ Nguyên	Trinh	Nữ	12/06/1998	9.50	6.50	16.00	
173	25.01.01.0173	Lưu Minh	Trí	Nam	17/07/1997	8.50	7.50	16.00	
174	25.01.01.0174	Nguyễn Thị Thu	Trúc	Nữ	10/04/1995	9.00	7.00	16.00	
175	25.01.01.0175	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	02/08/1995	6.50	4.00	10.50	
176	25.01.01.0176	Huỳnh Thanh	Tú	Nam	28/02/1993	6.50	6.00	12.50	
177	25.01.01.0177	Nguyễn Văn	Tương	Nam	16/10/1984	v	v	0.00	
178	25.01.01.0178	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	15/12/1997	8.50	7.50	16.00	
179	25.01.01.0179	Lê Tiết	Vân	Nữ	26/07/1995	8.50	6.50	15.00	
180	25.01.01.0180	Trần Diệu	Vi	Nữ	19/02/1997	7.00	4.00	11.00	
181	25.01.01.0181	Đỗ Kỳ	Việt	Nam	07/08/1997	8.00	5.00	13.00	
182	25.01.01.0182	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	03/11/1997	7.50	5.50	13.00	
183	25.01.01.0183	Nguyễn Đình Khánh	Vinh	Nam	15/04/1995	7.00	6.00	13.00	
184	25.01.01.0184	Trần Thái Phương	Vũ	Nam	07/07/1995	6.50	5.00	11.50	
185	25.01.01.0185	Nguyễn Đông	Vy	Nữ	23/06/1995	7.50	5.50	13.00	
186	25.01.01.0186	Từ Kim	Yến	Nữ	20/01/1998	7.50	6.50	14.00	
NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH (91)									
1	25.01.02.0187	Trần Đức	Anh	Nam	03/10/1982	v	v	0.00	
2	25.01.02.0188	Lê Hoàng	Anh	Nam	07/02/1992	8.00	8.00	16.00	
3	25.01.02.0189	Trần Quốc	Bảo	Nam	19/04/1996	7.00	8.00	15.00	
4	25.01.02.0190	Trần Anh	Bảo	Nam	19/09/1995	6.50	8.00	14.50	
5	25.01.02.0191	Hoàng Văn	Bảy	Nam	03/10/1994	6.50	7.00	13.50	
6	25.01.02.0192	Vương Tấn	Bình	Nam	10/06/1994	4.00	5.00	9.00	
7	25.01.02.0193	Nguyễn Công	Bình	Nam	18/03/1998	7.00	8.00	15.00	
8	25.01.02.0194	Phan Thanh	Bình	Nam	16/01/1999	5.50	6.00	11.50	
9	25.01.02.0195	Nguyễn Đức Thanh	Bình	Nam	13/02/1987	v	v	0.00	
10	25.01.02.0196	Lê Đại	Chiến	Nam	12/03/1994	6.50	8.50	15.00	
11	25.01.02.0197	Ngô Nguyễn Nguyên	Chương	Nam	24/01/1995	v	v	0.00	
12	25.01.02.0198	Vũ Văn	Diệp	Nam	15/11/1990	8.00	8.00	16.00	
13	25.01.02.0199	Bùi Đỗ Anh	Duy	Nam	02/01/1993	5.50	6.00	11.50	
14	25.01.02.0200	Phạm Vũ	Duy	Nam	17/06/1994	4.00	v	4.00	
15	25.01.02.0201	Lê Anh	Duy	Nam	27/10/1996	8.00	9.00	17.00	
16	25.01.02.0202	Nguyễn Lê	Duy	Nam	6/08/1998	8.50	9.00	17.50	
17	25.01.02.0203	Nguyễn Minh	Duy	Nam	01/06/1997	8.00	7.00	15.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
18	25.01.02.0204	Nguyễn Hiền Việt	Dũng	Nam	25/01/1986	6.00	5.00	11.00	
19	25.01.02.0205	Phạm Quốc	Đạt	Nam	15/06/1993	6.00	7.50	13.50	
20	25.01.02.0206	K' Thành	Đạt	Nam	12/10/1995	7.00	7.50	14.50	
21	25.01.02.0207	Phạm Công	Đồng	Nam	16/05/1997	8.00	8.50	16.50	
22	25.01.02.0208	Lương Minh	Đức	Nam	12/01/1997	8.50	7.00	15.50	
23	25.01.02.0209	Tạ Minh	Đức	Nam	07/09/1994	8.50	7.50	16.00	+1CS
24	25.01.02.0210	Quảng Trọng	Hà	Nam	06/08/1997	8.00	8.00	16.00	
25	25.01.02.0211	Trần Cao Duy	Hải	Nam	03/01/1995	5.50	7.50	13.00	
26	25.01.02.0212	Đặng Tuấn	Hiền	Nam	17/06/1991	4.00	5.00	9.00	
27	25.01.02.0213	Võ Xuân	Hiếu	Nam	28/05/1998	8.00	9.00	17.00	
28	25.01.02.0214	Tô Trung	Hiếu	Nam	04/11/1995	7.50	8.50	16.00	
29	25.01.02.0215	Nguyễn Bảo	Hoàng	Nam	19/12/1996	7.00	6.00	13.00	
30	25.01.02.0216	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	26/07/1994	7.50	8.50	16.00	
31	25.01.02.0217	Đỗ Quốc	Hoàng	Nam	17/02/1996	6.00	8.00	14.00	
32	25.01.02.0218	Nguyễn Như	Hồng	Nam	07/11/1996	7.50	8.50	16.00	
33	25.01.02.0219	Văn Minh	Huy	Nam	17/07/1998	8.00	9.50	17.50	
34	25.01.02.0220	Võ Quốc	Huỳnh	Nam	16/08/1995	5.50	8.00	13.50	
35	25.01.02.0221	Lê Đào Tuấn	Hùng	Nam	23/11/1996	7.50	7.00	14.50	
36	25.01.02.0222	Phạm Xuân Hoàng	Hung	Nam	05/02/1996	6.00	6.50	12.50	
37	25.01.02.0223	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	12/01/1996	10.00	9.50	19.50	
38	25.01.02.0224	Lương Sơn	Lâm	Nam	04/10/1993	5.00	6.00	11.00	
39	25.01.02.0225	Phan Dương	Lâm	Nam	08/08/1998	6.00	7.50	13.50	
40	25.01.02.0226	Nguyễn Ngọc	Liêm	Nam	25/02/1996	7.50	7.50	15.00	+1CS
41	25.01.02.0227	Phan Văn	Long	Nam	27/02/1998	9.00	8.50	17.50	
42	25.01.02.0228	Lê Văn	Lộc	Nam	10/03/1995	8.50	8.50	17.00	
43	25.01.02.0229	Trần Văn	Lợi	Nam	15/09/1994	v	v	0.00	+1CS
44	25.01.02.0230	Nguyễn Thành	Minh	Nam	10/07/1991	v	v	0.00	
45	25.01.02.0231	Đỗ Văn	Minh	Nam	13/04/1999	9.00	8.00	17.00	
46	25.01.02.0232	Đào Hải	Mỹ	Nam	15/11/1996	7.50	7.50	15.00	
47	25.01.02.0233	Phạm Hoài	Nam	Nam	20/05/1993	9.00	9.50	18.50	
48	25.01.02.0234	Ngô Ngọc	Ngân	Nam	23/10/1996	8.00	7.50	15.50	+1CS
49	25.01.02.0235	Đỗ Phúc	Nguyễn	Nam	09/12/1995	7.00	9.00	16.00	
50	25.01.02.0236	Phan Lý	Phúc	Nam	09/01/1996	8.00	7.00	15.00	+1CS
51	25.01.02.0237	Hà Văn	Phương	Nam	11/10/1992	v	v	0.00	
52	25.01.02.0238	Đặng Văn	Quang	Nam	02/06/1995	10.00	9.50	19.50	+1CS
53	25.01.02.0239	Nguyễn Thành	Quý	Nam	22/03/1993	6.50	7.00	13.50	
54	25.01.02.0240	Dương Minh	Quyền	Nam	15/06/1995	6.50	8.50	15.00	
55	25.01.02.0241	Bùi Minh	Sang	Nam	25/12/1988	5.50	6.50	12.00	
56	25.01.02.0242	Vũ Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	15/01/1996	8.00	8.00	16.00	
57	25.01.02.0243	Phạm Thế	Sơn	Nam	20/11/1996	8.00	8.50	16.50	
58	25.01.02.0244	Đỗ Thành	Tài	Nam	22/12/1987	8.00	9.50	17.50	
59	25.01.02.0245	Ngô Xuân	Tại	Nam	23/01/1985	v	v	0.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
60	25.01.02.0246	Đoàn Duy	Tân	Nam	28/10/1995	6.00	7.50	13.50	
61	25.01.02.0247	Phạm Hồng	Thành	Nam	21/04/1995	7.50	8.50	16.00	
62	25.01.02.0248	Trần Thế	Thái	Nam	30/10/1994	7.00	8.00	15.00	
63	25.01.02.0249	Trần Bảo	Thạch	Nam	15/10/1996	9.00	8.50	17.50	
64	25.01.02.0250	Đàng Hoàng	Thạch	Nam	23/03/1994	v	v	0.00	
65	25.01.02.0251	Lê Minh	Thế	Nam	24/01/1995	6.50	8.00	14.50	
66	25.01.02.0252	Trần Đức	Thiện	Nam	31/08/1995	9.00	9.00	18.00	
67	25.01.02.0253	Phan Thanh	Thiện	Nam	16/11/1988	6.00	9.00	15.00	
68	25.01.02.0254	Bùi Minh	Thịnh	Nam	02/10/1997	6.50	9.00	15.50	
69	25.01.02.0255	Trần Đình	Thoại	Nam	25/03/1996	8.50	9.50	18.00	
70	25.01.02.0256	Hoàng Xuân	Thương	Nam	16/10/1992	5.50	8.50	14.00	
71	25.01.02.0257	Đình Việt	Tiến	Nam	16/05/1990	v	v	0.00	+1CS
72	25.01.02.0258	Nguyễn Đức Nhật	Toàn	Nam	12/05/1996	7.50	8.00	15.50	
73	25.01.02.0259	Đình Thanh	Trà	Nam	04/05/1999	8.50	8.00	16.50	
74	25.01.02.0260	Trần Đức	Trọng	Nam	21/10/1997	6.00	7.00	13.00	
75	25.01.02.0261	Nguyễn Văn	Trường	Nam	10/03/1998	7.50	8.50	16.00	
76	25.01.02.0262	Đào Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	01/12/1998	7.50	8.50	16.00	
77	25.01.02.0263	Nguyễn	Tuấn	Nam	09/12/1992	6.00	8.00	14.00	
78	25.01.02.0264	Lâm Minh	Tuấn	Nam	13/06/1998	6.50	7.50	14.00	
79	25.01.02.0265	Hoàng	Tùng	Nam	30/10/1993	8.00	8.50	16.50	
80	25.01.02.0266	Nguyễn Minh	Tú	Nam	02/07/1993	6.50	7.50	14.00	
81	25.01.02.0267	Phan Thanh	Tú	Nam	16/03/1998	v	v	0.00	
82	25.01.02.0268	Trần Trung	Tú	Nam	12/03/1997	7.50	8.00	15.50	
83	25.01.02.0269	Nguyễn Anh	Tú	Nam	28/06/1996	8.50	6.50	15.00	
84	25.01.02.0270	Lê Ngọc	Tú	Nam	03/11/1997	v	v	0.00	
85	25.01.02.0271	Hồ Minh	Tú	Nam	18/06/1997	7.50	9.50	17.00	
86	25.01.02.0272	Võ Việt	Tường	Nam	05/08/1997	8.00	9.00	17.00	
87	25.01.02.0273	Lê Quốc	Việt	Nam	21/07/1987	9.50	6.50	16.00	
88	25.01.02.0274	Lâm Quang	Vinh	Nam	01/01/1995	9.00	8.50	17.50	+1CS
89	25.01.02.0275	Phạm Anh	Vinh	Nam	29/05/1991	7.00	8.50	15.50	
90	25.01.02.0276	Hồ Đăng	Vũ	Nam	10/09/1997	7.50	8.50	16.00	
91	25.01.02.0277	Nguyễn Đức Mạnh	Vũ	Nam	19/03/1998	7.50	8.50	16.00	
NGÀNH: DA LIỄU (204)									
1	25.01.03.0278	Lê Phúc	An	Nam	17/12/1994	9.50	8.50	18.00	
2	25.01.03.0279	Lưu Lê Quốc	Anh	Nam	27/09/1997	8.50	7.50	16.00	
3	25.01.03.0280	Lê Đặng Mai	Anh	Nữ	07/12/1998	8.00	7.50	15.50	
4	25.01.03.0281	Trần Hồng	Anh	Nữ	09/06/1992	9.50	7.50	17.00	
5	25.01.03.0282	Lê Minh	Anh	Nam	25/07/1998	9.00	8.00	17.00	
6	25.01.03.0283	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	23/01/1996	9.50	7.50	17.00	
7	25.01.03.0284	Lê Kiều	Anh	Nữ	26/06/1997	10.00	8.00	18.00	
8	25.01.03.0285	Đỗ Tuấn	Anh	Nữ	24/01/1998	8.50	6.50	15.00	
9	25.01.03.0286	Nguyễn Thị Huế	Anh	Nữ	15/12/1995	9.50	8.50	18.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
10	25.01.03.0287	Lương Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	07/09/1997	9.50	7.00	16.50	
11	25.01.03.0288	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nữ	16/02/1992	9.50	8.50	18.00	
12	25.01.03.0289	Võ Hoàng	Anh	Nam	22/05/1994	9.50	6.50	16.00	
13	25.01.03.0290	Phạm Ngọc Phương	Anh	Nữ	04/02/1995	9.50	7.00	16.50	
14	25.01.03.0291	Hồ Mai Kim	Anh	Nữ	16/05/1994	9.00	7.00	16.00	
15	25.01.03.0292	Ngô Đức	Anh	Nam	02/10/1996	7.00	6.00	13.00	
16	25.01.03.0293	Phạm Ngọc Diệu	Ái	Nữ	07/06/1997	9.00	8.00	17.00	
17	25.01.03.0294	Ngô Quốc	Bảo	Nam	24/10/1996	6.00	6.50	12.50	
18	25.01.03.0295	Phạm Thị	Bé	Nữ	10/10/1997	8.00	7.00	15.00	
19	25.01.03.0296	Thái Minh	Cánh	Nam	12/12/1993	v	v	0.00	
20	25.01.03.0297	Trần Ngọc	Châu	Nữ	29/09/2997	9.50	8.00	17.50	
21	25.01.03.0298	Kiên Thị Bích	Châu	Nữ	29/04/1988	7.00	7.50	14.50	
22	25.01.03.0299	Nguyễn Ngọc	Châu	Nữ	8/8/1994	v	v	0.00	
23	25.01.03.0300	Tô Minh	Cường	Nam	28/01/1997	9.00	6.00	15.00	
24	25.01.03.0301	Văn Thị Kim	Dung	Nữ	29/06/1998	9.50	8.50	18.00	
25	25.01.03.0302	Đỗ Thị Phương	Dung	Nữ	18/01/1998	v	v	0.00	
26	25.01.03.0303	Võ Thùy	Dung	Nữ	20/07/1997	9.00	8.00	17.00	
27	25.01.03.0304	Nguyễn Thanh Thế	Duy	Nam	09/06/1994	7.50	6.50	14.00	
28	25.01.03.0305	Đỗ Nguyễn Khánh	Duy	Nam	10/08/1997	v	v	0.00	
29	25.01.03.0306	Trần Nguyễn Thuý	Dương	Nữ	24/12/1998	9.00	5.00	14.00	
30	25.01.03.0307	Hứa Nhật Hiểu	Đan	Nữ	10/08/1998	9.50	8.00	17.50	
31	25.01.03.0308	Đặng Thị Trang	Đài	Nữ	02/11/1995	7.50	5.50	13.00	
32	25.01.03.0309	Trần Anh	Đức	Nam	20/11/1995	9.50	7.00	16.50	
33	25.01.03.0310	Hoàng Hương	Giang	Nữ	15/04/1997	9.50	8.50	18.00	
34	25.01.03.0311	Ma Ngọc Hương	Giang	Nữ	15/01/1995	9.50	8.00	17.50	
35	25.01.03.0312	K'	Hà	Nữ	26/07/1994	v	v	0.00	+1CS
36	25.01.03.0313	Cao Minh Ngọc	Hà	Nữ	16/11/1995	6.50	6.50	13.00	
37	25.01.03.0314	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hạnh	Nữ	15/10/1998	9.50	8.00	17.50	
38	25.01.03.0315	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	13/05/1993	8.00	6.50	14.50	
39	25.01.03.0316	Mào Thị	Hân	Nữ	07/06/1995	8.00	7.50	15.50	
40	25.01.03.0317	Nguyễn Thị Hải	Hậu	Nữ	08/02/1995	v	v	0.00	
41	25.01.03.0318	Trần Hữu	Hậu	Nam	26/07/1996	v	v	0.00	
42	25.01.03.0319	Lê Thị	Hiên	Nữ	11/12/1994	9.00	7.50	16.50	
43	25.01.03.0320	Mai Thanh	Hiên	Nữ	15/03/1996	7.00	6.50	13.50	
44	25.01.03.0321	Nguyễn Ngọc	Hiếu	Nữ	30/09/1985	7.00	6.00	13.00	
45	25.01.03.0322	Huỳnh Xuân	Hiệp	Nam	20/01/1997	v	v	0.00	
46	25.01.03.0323	Nguyễn Lý Thu	Hoài	Nữ	02/09/1995	v	v	0.00	
47	25.01.03.0324	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	25/08/1993	9.50	7.50	17.00	
48	25.01.03.0325	Nguyễn Quang	Huy	Nam	04/12/1995	8.00	5.50	13.50	
49	25.01.03.0326	Phan Đức	Huy	Nam	28/02/1996	10.00	8.50	18.50	
50	25.01.03.0327	Nguyễn Hoàng Minh	Huy	Nam	15/05/1997	8.50	10.00	18.50	
51	25.01.03.0328	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	06/04/1996	6.00	4.00	10.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
52	25.01.03.0329	Nguyễn Mai Thanh	Hùng	Nam	24/09/1997	9.00	7.50	16.50	
53	25.01.03.0330	Đinh Thị Quỳnh	Hương	Nữ	21/07/1997	10.00	8.50	18.50	
54	25.01.03.0331	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	18/07/1987	9.00	7.00	16.00	
55	25.01.03.0332	Trần Thảo Phương Niê	Kdăm	Nữ	08/05/1996	10.00	7.00	17.00	+1CS
56	25.01.03.0333	Ngô Thừa	Kế	Nam	09/05/1997	9.00	7.50	16.50	
57	25.01.03.0334	Bùi Văn	Khải	Nam	23/09/1998	9.00	8.00	17.00	
58	25.01.03.0335	Lê Nhật Phương	Khanh	Nữ	04/03/1999	7.50	7.00	14.50	
59	25.01.03.0336	Cao Hoàng	Khanh	Nữ	12/08/1995	7.50	7.00	14.50	
60	25.01.03.0337	Đào Đăng	Khoa	Nam	22/12/1996	8.50	8.00	16.50	
61	25.01.03.0338	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	21/09/1994	9.50	7.50	17.00	
62	25.01.03.0339	Trần Thị Thu	Lai	Nữ	18/12/1992	8.00	8.00	16.00	
63	25.01.03.0340	Huỳnh	Lam	Nữ	06/11/1997	9.50	7.50	17.00	
64	25.01.03.0341	Mai Thị Ngọc	Lan	Nữ	26/05/1995	9.00	8.00	17.00	
65	25.01.03.0342	Nguyễn Hữu	Lễ	Nam	03/01/1997	9.50	7.50	17.00	
66	25.01.03.0343	Đặng Thị Hồng	Liên	Nữ	30/09/1997	9.00	6.50	15.50	
67	25.01.03.0344	Trần Mỹ	Linh	Nữ	29/08/1982	v	v	0.00	
68	25.01.03.0345	Trần Ngọc Khánh	Linh	Nữ	19/05/1996	9.00	7.50	16.50	
69	25.01.03.0346	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	26/03/1996	8.00	7.50	15.50	
70	25.01.03.0347	Đỗ Thị Thuý	Linh	Nữ	30/10/1997	9.00	7.50	16.50	
71	25.01.03.0348	Vì Mạnh	Linh	Nam	11/10/1992	8.00	6.50	14.50	
72	25.01.03.0349	Huỳnh Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	17/09/1997	8.50	7.50	16.00	
73	25.01.03.0350	Bùi Ngọc Mỹ	Linh	Nữ	30/4/1997	9.50	8.00	17.50	
74	25.01.03.0351	Đoàn Thị Thùy	Linh	Nữ	20/04/1997	8.50	7.50	16.00	
75	25.01.03.0352	Nguyễn Thị Bích	Loan	Nữ	23/04/1991	8.00	7.50	15.50	
76	25.01.03.0353	Huỳnh Thị Thanh	Loan	Nữ	29/04/1988	6.00	5.00	11.00	
77	25.01.03.0354	Võ Thị Quỳnh	Loan	Nữ	31/03/1996	v	v	0.00	
78	25.01.03.0355	Trương Thị	Ly	Nữ	20/04/1997	10.00	8.50	18.50	
79	25.01.03.0356	Võ Thực	Mai	Nữ	08/06/1995	9.00	7.50	16.50	
80	25.01.03.0357	Vũ Thị Thanh	Mai	Nữ	24/06/1996	8.50	5.50	14.00	
81	25.01.03.0358	Hứa Hồng Nhật	Minh	Nữ	16/04/1995	8.50	7.50	16.00	
82	25.01.03.0359	Huỳnh Hồ Thảo	My	Nữ	17/02/1997	8.00	8.00	16.00	
83	25.01.03.0360	Mông Thị Lê	Na	Nữ	08/10/1996	9.50	8.00	17.50	
84	25.01.03.0361	Dương Kim	Ngân	Nữ	11/10/1998	10.00	8.00	18.00	
85	25.01.03.0362	Nguyễn Trang Kim	Ngân	Nữ	06/03/1996	8.50	8.00	16.50	
86	25.01.03.0363	Lai Kim	Ngân	Nữ	25/11/1996	v	v	0.00	
87	25.01.03.0364	Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	09/06/1996	10.00	7.50	17.50	
88	25.01.03.0365	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	13/03/1998	8.00	6.50	14.50	
89	25.01.03.0366	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	04/02/1997	9.00	8.00	17.00	
90	25.01.03.0367	Võ Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	21/03/1996	v	v	0.00	
91	25.01.03.0368	Lý Thị Kim	Ngọc	Nữ	29/09/1984	v	v	0.00	
92	25.01.03.0369	Lê Quý	Ngọc	Nam	06/02/1997	9.50	6.00	15.50	
93	25.01.03.0370	Y Ánh	Ngọc	Nữ	16/06/1997	8.00	6.00	14.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
94	25.01.03.0371	Nguyễn Toàn	Nguyễn	Nam	04/05/1997	9.00	7.00	16.00	
95	25.01.03.0372	Hà Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	21/12/1997	9.50	7.50	17.00	
96	25.01.03.0373	Trần Như Kim	Nguyễn	Nữ	22/03/1995	9.00	7.50	16.50	
97	25.01.03.0374	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	01/11/1997	9.00	8.00	17.00	
98	25.01.03.0375	Phạm Thị Phương	Nguyễn	Nữ	25/06/1997	7.50	6.50	14.00	
99	25.01.03.0376	Thái Hoàng Anh	Nhật	Nam	20/10/1994	8.00	8.00	16.00	
100	25.01.03.0377	Tô Thị Ý	Nhi	Nữ	11/10/1995	9.50	8.00	17.50	
101	25.01.03.0378	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	02/04/1995	v	v	0.00	
102	25.01.03.0379	Trần Thị Ý	Nhi	Nữ	06/11/1994	9.50	6.50	16.00	
103	25.01.03.0380	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/01/1990	9.50	8.00	17.50	
104	25.01.03.0381	Nguyễn Thị Bích	Nhung	Nữ	05/02/1998	8.50	7.00	15.50	
105	25.01.03.0382	Đoàn Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	09/03/1996	9.50	8.00	17.50	
106	25.01.03.0383	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	20/11/1994	9.00	8.00	17.00	
107	25.01.03.0384	Trịnh Huỳnh	Như	Nữ	12/12/1997	9.50	8.00	17.50	
108	25.01.03.0385	Võ Thị Quỳnh	Như	Nữ	10/11/1996	8.50	6.50	15.00	
109	25.01.03.0386	Cao Thị	Nụ	Nữ	15/06/1987	7.50	6.00	13.50	
110	25.01.03.0387	Bùi Thị	Nương	Nữ	10/12/1993	v	v	0.00	
111	25.01.03.0388	Nguyễn Thị Vân	Oanh	Nữ	04/04/1993	9.00	7.00	16.00	
112	25.01.03.0389	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	30/08/1998	9.50	8.00	17.50	
113	25.01.03.0390	Đoàn Thị Lan	Oanh	Nữ	18/09/1996	8.00	8.00	16.00	
114	25.01.03.0391	Trần Vũ Minh	Phát	Nữ	15/11/1982	v	v	0.00	
115	25.01.03.0392	Trần Đức Hoàng	Phúc	Nam	11/02/1997	7.50	6.00	13.50	
116	25.01.03.0393	Bùi Thị Thu	Phương	Nữ	10/10/1994	9.50	7.00	16.50	
117	25.01.03.0394	Nguyễn Thị Hoài	Phương	Nữ	15/04/1993	6.00	5.50	11.50	
118	25.01.03.0395	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	28/12/1986	6.50	7.00	13.50	
119	25.01.03.0396	Võ Nguyễn Trúc	Phương	Nữ	30/10/1996	8.50	7.00	15.50	
120	25.01.03.0397	Nguyễn Ngọc	Phượng	Nữ	09/04/1995	8.50	7.50	16.00	
121	25.01.03.0398	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	03/02/1998	9.50	8.50	18.00	
122	25.01.03.0399	Đặng Lê	Quỳnh	Nữ	14/03/1997	8.00	6.00	14.00	
123	25.01.03.0400	Nguyễn Ngọc Hương	Quỳnh	Nữ	09/11/1997	9.00	7.00	16.00	
124	25.01.03.0401	Võ Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	14/10/1996	7.50	6.50	14.00	
125	25.01.03.0402	Đoàn Ke	Ri	Nữ	05/10/1995	7.00	6.50	13.50	
126	25.01.03.0403	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	01/10/1997	7.00	6.00	13.00	
127	25.01.03.0404	Huỳnh Phúc	Sang	Nam	13/09/1997	9.00	7.00	16.00	
128	25.01.03.0405	Hồ Văn	Sang	Nam	08/08/1991	9.00	8.00	17.00	
129	25.01.03.0406	Cao Thị Hoài	Sương	Nữ	25/12/1998	4.00	5.00	9.00	
130	25.01.03.0407	Bùi Thị Thu	Sương	Nữ	08/08/1992	v	v	0.00	
131	25.01.03.0408	Phạm	Sỹ	Nam	07/03/1993	8.50	7.50	16.00	
132	25.01.03.0409	Đỗ Minh	Tài	Nam	30/10/1997	9.50	7.50	17.00	
133	25.01.03.0410	Nguyễn Thanh Thảo	Tâm	Nữ	28/08/1996	v	v	0.00	
134	25.01.03.0411	Phạm Minh	Tâm	Nam	19/01/1998	9.00	7.50	16.50	
135	25.01.03.0412	Lê Thị	Tâm	Nữ	20/06/1993	9.50	7.50	17.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
136	25.01.03.0413	Lê Nguyễn Hiếu	Thanh	Nam	14/06/1997	6.50	6.50	13.00	
137	25.01.03.0414	Lê Thanh	Thanh	Nữ	18/08/1996	8.50	6.00	14.50	
138	25.01.03.0415	Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	22/03/1996	9.00	8.00	17.00	
139	25.01.03.0416	Từ Công Phương	Thảo	Nữ	08/10/1998	8.50	7.50	16.00	+1CS
140	25.01.03.0417	Bùi Thị	Thảo	Nữ	05/01/1992	8.00	7.00	15.00	
141	25.01.03.0418	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	09/04/1995	9.00	8.50	17.50	
142	25.01.03.0419	Bùi Lê Nguyên	Thảo	Nữ	02/01/1998	9.00	6.00	15.00	
143	25.01.03.0420	Phan Thị Minh	Thảo	Nữ	11/07/1997	5.50	4.00	9.50	
144	25.01.03.0421	Phan Quốc	Thái	Nam	02/09/1995	v	v	0.00	
145	25.01.03.0422	Bùi Quốc	Thắng	Nam	17/05/1995	9.50	8.50	18.00	
146	25.01.03.0423	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	07/08/1998	9.50	8.50	18.00	
147	25.01.03.0424	Trần Ngọc Diệu	Thiện	Nữ	01/02/1997	v	v	0.00	
148	25.01.03.0425	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	16/10/1997	8.00	7.00	15.00	
149	25.01.03.0426	Võ Thị Minh	Thu	Nữ	14/08/1998	8.00	7.50	15.50	
150	25.01.03.0427	Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	18/03/1997	9.50	8.00	17.50	
151	25.01.03.0428	Võ Tiến	Thuận	Nam	14/02/1993	8.50	6.50	15.00	
152	25.01.03.0429	Ngô Thị	Thúy	Nữ	19/10/1986	v	v	0.00	
153	25.01.03.0430	Đồng Thị Mỹ	Thùy	Nữ	18/02/1996	9.50	8.50	18.00	
154	25.01.03.0431	Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	13/07/1991	9.00	7.00	16.00	
155	25.01.03.0432	Nguyễn Thụy Hồng	Thư	Nữ	12/02/1996	9.00	7.50	16.50	
156	25.01.03.0433	Nguyễn Phan Thanh	Thư	Nữ	04/04/1993	8.00	7.00	15.00	
157	25.01.03.0434	Bùi Mai Thùy	Tiên	Nữ	01/01/1996	9.00	8.00	17.00	
158	25.01.03.0435	Trương Kim	Tiền	Nữ	09/07/1996	10.00	8.50	18.50	
159	25.01.03.0436	Dương Ngọc	Tiến	Nam	07/01/1995	9.50	8.00	17.50	
160	25.01.03.0437	Phạm Anh	Toàn	Nam	06/11/1993	6.50	4.00	10.50	
161	25.01.03.0438	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	28/03/1993	8.00	7.50	15.50	
162	25.01.03.0439	Dương Thị Thùy	Trang	Nữ	29/07/1996	9.00	7.00	16.00	
163	25.01.03.0440	Võ Hoàng Thảo	Trang	Nữ	24/10/1993	9.50	7.50	17.00	
164	25.01.03.0441	Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	13/09/1995	8.00	7.50	15.50	
165	25.01.03.0442	Đào Phương	Trang	Nữ	06/11/1996	9.50	8.00	17.50	
166	25.01.03.0443	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	28/09/1998	9.00	7.00	16.00	
167	25.01.03.0444	Nguyễn Phan Hà	Trang	Nữ	24/10/1998	8.50	7.00	15.50	
168	25.01.03.0445	Đỗ Thanh	Trà	Nữ	16/01/1997	9.50	8.00	17.50	
169	25.01.03.0446	Phùng Ngọc Thùy	Trâm	Nữ	17/01/1997	8.00	6.00	14.00	
170	25.01.03.0447	Nguyễn Bích	Trâm	Nữ	09/12/1998	9.00	8.50	17.50	
171	25.01.03.0448	Lê Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	20/05/1998	9.50	8.00	17.50	
172	25.01.03.0449	Phan Thị Thanh	Trâm	Nữ	10/08/1990	v	v	0.00	
173	25.01.03.0450	Nguyễn Thị Bảo	Trân	Nữ	15/02/1998	9.00	7.00	16.00	
174	25.01.03.0451	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	08/12/1995	7.50	6.00	13.50	
175	25.01.03.0452	Trần Minh	Triết	Nam	04/06/1998	v	v	0.00	
176	25.01.03.0453	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	Nữ	10/11/1996	9.50	7.50	17.00	
177	25.01.03.0454	Huỳnh Thị Kiều	Trình	Nữ	18/08/1997	9.00	7.00	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
178	25.01.03.0455	Nguyễn Thị Tú	Trình	Nữ	26/07/1999	10.00	8.50	18.50	
179	25.01.03.0456	Phạm Thị Diễm	Trình	Nữ	24/01/1997	v	v	0.00	
180	25.01.03.0457	Võ Thanh	Trúc	Nữ	08/03/1997	v	v	0.00	
181	25.01.03.0458	Phạm Thị Mai	Trúc	Nữ	02/07/1997	9.50	8.00	17.50	
182	25.01.03.0459	Trần Thủy	Trúc	Nữ	29/01/1992	v	v	0.00	
183	25.01.03.0460	Đinh Trần Xuân	Trưởng	Nam	12/01/1994	9.00	7.00	16.00	
184	25.01.03.0461	Nguyễn Trung Công	Trưởng	Nam	27/06/1993	9.50	7.50	17.00	
185	25.01.03.0462	Hoàng Khắc	Tuấn	Nam	12/05/1982	8.00	8.00	16.00	
186	25.01.03.0463	Phạm Lê	Tuấn	Nam	07/08/1997	8.50	6.50	15.00	
187	25.01.03.0464	Võ Ngọc	Tuyền	Nữ	30/04/1996	9.50	8.00	17.50	
188	25.01.03.0465	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	05/11/1995	9.00	7.00	16.00	
189	25.01.03.0466	Trần Lê Cẩm	Tú	Nữ	02/07/1997	8.50	8.00	16.50	
190	25.01.03.0467	Đinh Văn	Tý	Nam	07/01/1996	9.00	6.00	15.00	
191	25.01.03.0468	Lý Tú	Uyên	Nữ	07/08/1997	8.00	5.50	13.50	
192	25.01.03.0469	Nguyễn Lê Phương	Uyên	Nữ	20/02/1996	8.50	5.50	14.00	
193	25.01.03.0470	Hoàng Thị Ngọc	Vân	Nữ	21/04/1995	9.00	8.00	17.00	
194	25.01.03.0471	Nguyễn Thị Ngọc	Vinh	Nữ	26/04/1997	9.00	8.00	17.00	
195	25.01.03.0472	Lương Thị Quang	Vinh	Nữ	03/05/1997	9.50	7.50	17.00	
196	25.01.03.0473	Hồ Phương	Vũ	Nữ	05/12/1998	8.50	7.00	15.50	
197	25.01.03.0474	Trần Quốc	Vương	Nam	27/06/1995	7.50	6.00	13.50	
198	25.01.03.0475	Nguyễn Thị Lê	Vy	Nữ	09/12/1994	8.50	7.50	16.00	
199	25.01.03.0476	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	16/01/1998	8.50	6.50	15.00	
200	25.01.03.0477	Nguyễn Thị Phương	Vy	Nữ	28/01/1997	v	v	0.00	
201	25.01.03.0478	Võ Việt	Xuân	Nữ	03/03/1998	10.00	9.00	19.00	
202	25.01.03.0479	Nguyễn Phương Quỳnh	Xuân	Nữ	22/01/1997	9.00	7.50	16.50	
203	25.01.03.0480	Ngô Thị Minh	Xuân	Nữ	18/12/1995	9.00	7.50	16.50	
204	25.01.03.0481	Ngũ Thị Hoàng	Yến	Nữ	15/05/1984	8.00	6.50	14.50	
NGÀNH: DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG (14)									
1	25.01.31.1676	Lữ Thị Minh	Bắc	Nữ	01/11/1983	v	v	0.00	
2	25.01.31.1677	Bùi Thanh	Bình	Nam	18/04/1985	5.00	4.00	9.00	
3	25.01.31.1678	Trương Lê Hoàng	Duyên	Nữ	24/01/1994	6.50	6.00	12.50	
4	25.01.31.1679	Lê Xuân	Huy	Nam	29/01/1998	8.50	7.00	15.50	
5	25.01.31.1680	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	03/04/1991	8.00	7.00	15.00	
6	25.01.31.1681	Trần Hoàng Yến	Nhi	Nữ	12/10/1997	8.00	7.00	15.00	
7	25.01.31.1682	Lư Ái	Như	Nữ	05/05/1994	8.50	7.50	16.00	
8	25.01.31.1683	Trần Thủy Trang	Thanh	Nữ	12/01/1993	v	v	0.00	
9	25.01.31.1684	Lê Thị Song	Thương	Nữ	04/04/1995	7.00	7.00	14.00	
10	25.01.31.1685	Phạm Thị Phương	Toàn	Nữ	02/04/1978	5.00	5.50	10.50	
11	25.01.31.1686	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	19/01/1987	7.00	7.50	14.50	
12	25.01.31.1687	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	25/07/1988	8.50	7.00	15.50	
13	25.01.31.1688	Bùi Thị Thanh	Trúc	Nữ	09/12/1981	8.50	6.50	15.00	
14	25.01.31.1689	Nguyễn Trần Minh	Tú	Nam	02/11/1991	9.00	8.00	17.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
	NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG (23)								
1	25.01.04.0482	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	12/08/1982	7.00	8.00	15.00	
2	25.01.04.0483	Lê Thị Huyền	Anh	Nữ	15/12/1986	7.00	6.50	13.50	
3	25.01.04.0484	Đặng Thị Mỹ	Chi	Nữ	26/09/1989	8.50	8.50	17.00	
4	25.01.04.0485	Nguyễn Đào Phương	Dung	Nữ	24/10/1992	8.50	7.50	16.00	
5	25.01.04.0486	Hà Mộng	Dung	Nữ	26/05/1990	3.00	5.50	8.50	
6	25.01.04.0487	Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	11/04/1988	8.00	8.00	16.00	
7	25.01.04.0488	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	27/09/1984	7.50	8.50	16.00	
8	25.01.04.0489	Nguyễn Thị Mộng	Linh	Nữ	29/07/1987	8.00	8.00	16.00	
9	25.01.04.0490	Phạm Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	03/12/1982	8.50	8.00	16.50	
10	25.01.04.0491	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	02/11/1995	6.00	6.00	12.00	
11	25.01.04.0492	Lê Văn	Sen	Nam	25/06/1991	7.00	7.00	14.00	
12	25.01.04.0493	Phạm Nguyễn Đan	Thanh	Nữ	20/11/1995	6.00	6.00	12.00	
13	25.01.04.0494	Lưu Kim	Thành	Nữ	10/01/1984	6.50	7.50	14.00	
14	25.01.04.0495	Võ Văn Tất	Thành	Nam	10/05/1999	7.50	8.50	16.00	
15	25.01.04.0496	Phạm Thị Tuyết	Thu	Nữ	17/07/1986	6.50	5.50	12.00	
16	25.01.04.0497	Bùi Ngọc	Thư	Nữ	27/07/1988	7.50	8.50	16.00	
17	25.01.04.0498	Tạ Thị Hoài	Thương	Nữ	10/08/1985	3.50	5.50	9.00	
18	25.01.04.0499	Hồ Thị Mỹ	Tiên	Nữ	02/09/1993	7.00	5.50	12.50	
19	25.01.04.0500	Trần Vũ Thanh	Trúc	Nữ	27/10/1993	7.50	7.50	15.00	
20	25.01.04.0501	Võ Thị Kim	Tuyển	Nữ	12/05/1995	7.00	6.50	13.50	
21	25.01.04.0502	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	06/12/1980	7.50	7.00	14.50	
22	25.01.04.0503	Vũ Thị Hồng	Yến	Nữ	27/01/1978	5.00	5.00	10.00	
23	25.01.04.0504	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	30/11/1984	6.00	6.00	12.00	
	NGÀNH: GÂY MÊ HỒI SỨC (91)								
1	25.01.05.0505	Ngô Kim	Anh	Nữ	16/08/1995	10.00	6.50	16.50	+1CS
2	25.01.05.0506	Nguyễn Thị Thiên	Ân	Nữ	18/10/1994	8.50	6.50	15.00	
3	25.01.05.0507	Nguyễn Diên	Bình	Nam	15/07/1994	8.00	7.00	15.00	
4	25.01.05.0508	Y PIARE	BKRÔNG	Nam	12/10/1993	10.00	6.00	16.00	+1CS
5	25.01.05.0509	Huỳnh Thị Ngọc	Cầm	Nữ	21/06/1995	8.50	6.50	15.00	
6	25.01.05.0510	Nguyễn Hồng Ngọc	Cầm	Nữ	26/10/1996	9.00	7.00	16.00	
7	25.01.05.0511	Nguyễn Minh	Châu	Nam	08/08/1998	9.00	6.50	15.50	
8	25.01.05.0512	Trần Phú Minh	Châu	Nam	07/01/1996	9.50	8.00	17.50	
9	25.01.05.0513	Vũ Mạnh	Chiến	Nam	05/09/1996	9.50	4.00	13.50	+1CS
10	25.01.05.0514	Nguyễn Dương	Chí	Nam	02/06/1997	7.50	5.50	13.00	
11	25.01.05.0515	Nguyễn Thị Thanh	Dăng	Nữ	17/10/1991	9.50	7.00	16.50	
12	25.01.05.0516	Huỳnh Phương	Duy	Nam	07/04/1999	9.50	8.00	17.50	
13	25.01.05.0517	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	16/12/1997	v	v	0.00	
14	25.01.05.0518	Nguyễn Bá	Dũng	Nam	25/07/1995	8.50	8.00	16.50	
15	25.01.05.0519	Trần Ngọc Viễn	Đông	Nam	10/06/1998	9.50	6.50	16.00	
16	25.01.05.0520	Nguyễn Lê Quang	Đức	Nam	08/01/1997	8.00	7.00	15.00	
17	25.01.05.0521	Trương Nguyễn Hương	Giang	Nữ	08/06/1992	8.50	7.50	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
18	25.01.05.0522	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/12/1997	10.00	7.50	17.50	
19	25.01.05.0523	Linh Thu	Hà	Nữ	09/04/1991	8.50	6.50	15.00	
20	25.01.05.0524	Cao Thanh	Hà	Nam	17/08/1994	9.00	6.50	15.50	
21	25.01.05.0525	Nguyễn Mạnh	Hải	Nam	20/02/1995	9.50	7.00	16.50	
22	25.01.05.0526	Nguyễn Tuấn	Hải	Nam	29/05/1994	8.50	5.50	14.00	
23	25.01.05.0527	Nguyễn Minh	Hân	Nam	03/02/1994	8.50	6.00	14.50	
24	25.01.05.0528	Lê Ngọc	Hoan	Nam	28/05/1997	8.00	4.00	12.00	
25	25.01.05.0529	Mai Lữ	Hoàng	Nữ	08/03/1995	9.00	6.00	15.00	
26	25.01.05.0530	Trần Bùi	Hùng	Nam	18/09/1995	v	v	0.00	
27	25.01.05.0531	Hoàng Thị Việt	Hường	Nữ	27/08/1995	v	v	0.00	
28	25.01.05.0532	Hoàng Ngọc	Khang	Nam	06/09/1996	9.50	7.50	17.00	
29	25.01.05.0533	Nguyễn Đình	Khang	Nam	23/02/1995	v	v	0.00	+1CS
30	25.01.05.0534	Nguyễn Thị Anh	Khoa	Nữ	04/02/1993	8.50	7.00	15.50	
31	25.01.05.0535	Nguyễn Văn Anh	Kiệt	Nam	15/01/1996	9.50	6.50	16.00	
32	25.01.05.0536	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	28/08/1997	7.00	4.00	11.00	
33	25.01.05.0537	Võ Thị Mỹ	Linh	Nữ	23/09/1997	9.50	7.50	17.00	
34	25.01.05.0538	Nguyễn Chí	Linh	Nam	30/07/1996	9.00	7.00	16.00	
35	25.01.05.0539	Trần Nhật	Linh	Nữ	19/11/1998	9.50	6.50	16.00	
36	25.01.05.0540	Phạm Lê Minh	Mẫn	Nam	05/05/1998	9.50	8.00	17.50	
37	25.01.05.0541	Mai Tuấn	Minh	Nam	03/06/1996	9.50	8.50	18.00	
38	25.01.05.0542	Đình Hoàng	Minh	Nam	04/01/1998	6.00	4.00	10.00	
39	25.01.05.0543	Thạch Thị Trúc	My	Nữ	17/07/1995	10.00	6.50	16.50	+1CS
40	25.01.05.0544	Hồ Hoàng	Nam	Nam	25/05/1993	v	v	0.00	
41	25.01.05.0545	Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	19/11/1996	9.00	7.00	16.00	
42	25.01.05.0546	Nguyễn Phạm Tuyết	Ngân	Nữ	26/08/1997	8.00	6.00	14.00	
43	25.01.05.0547	Huỳnh Lê Bội	Ngân	Nữ	18/12/1995	9.00	6.50	15.50	
44	25.01.05.0548	Trần Hoài	Nghĩa	Nam	30/10/1994	6.00	v	6.00	
45	25.01.05.0549	Nguyễn Bảo	Nguyên	Nam	02/04/1996	7.50	4.00	11.50	
46	25.01.05.0550	Trần Thị Thảo	Nguyên	Nữ	18/12/1995	9.00	6.50	15.50	
47	25.01.05.0551	Dương Trung	Nguyên	Nam	11/07/1997	9.50	7.50	17.00	
48	25.01.05.0552	Tô Nhân	Nhã	Nam	26/08/1997	9.50	8.50	18.00	
49	25.01.05.0553	Phạm Phú	Nhân	Nam	16/05/1998	9.50	8.00	17.50	
50	25.01.05.0554	Ngô Văn	Phú	Nam	11/10/1996	9.50	6.00	15.50	
51	25.01.05.0555	Phạm Văn	Phú	Nam	18/02/1995	9.50	5.00	14.50	+1CS
52	25.01.05.0556	Vương Quốc	Phú	Nam	03/06/1996	8.00	7.50	15.50	
53	25.01.05.0557	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	13/11/1997	8.50	6.50	15.00	
54	25.01.05.0558	Ngô Quỳnh	Quang	Nam	06/01/1995	10.00	7.00	17.00	+1CS
55	25.01.05.0559	Đỗ Nguyễn Xuân	Quỳnh	Nữ	19/08/1994	8.00	5.00	13.00	
56	25.01.05.0560	Trần Văn	Quỳnh	Nam	26/06/1994	9.50	7.00	16.50	
57	25.01.05.0561	Nguyễn Xuân	Quý	Nam	13/06/1998	9.50	7.50	17.00	
58	25.01.05.0562	Vương Minh	Thành	Nam	30/09/1997	9.50	8.00	17.50	
59	25.01.05.0563	Nguyễn Đoàn Công	Thành	Nam	02/08/1996	9.00	7.00	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
60	25.01.05.0564	Nguyễn Thị Diệu	Thảo	Nữ	07/06/1996	10.00	8.00	18.00	
61	25.01.05.0565	Nguyễn Trần Thanh	Thảo	Nữ	28/11/1994	v	v	0.00	
62	25.01.05.0566	Phan Thị	Thắm	Nữ	01/01/1986	7.00	4.00	11.00	
63	25.01.05.0567	Phạm Quyết	Thắng	Nam	13/01/1996	v	v	0.00	
64	25.01.05.0568	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	12/10/1994	9.00	7.00	16.00	
65	25.01.05.0569	Phạm Thành	Thơ	Nam	09/07/1995	8.00	5.50	13.50	
66	25.01.05.0570	Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	09/10/1996	9.50	8.00	17.50	
67	25.01.05.0571	Vũ Thị Minh	Thúy	Nữ	13/09/1996	9.50	8.00	17.50	
68	25.01.05.0572	Lê Quỳnh Anh	Thư	Nữ	17/03/1995	9.50	7.00	16.50	
69	25.01.05.0573	Vũ Hoài	Tiến	Nam	20/07/1996	9.00	7.00	16.00	
70	25.01.05.0574	Phạm Duy	Tín	Nam	30/04/1997	v	v	0.00	
71	25.01.05.0575	Lê Văn	Toàn	Nam	09/06/1988	8.50	6.00	14.50	
72	25.01.05.0576	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	12/03/1997	10.00	7.50	17.50	
73	25.01.05.0577	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	14/08/1993	9.00	7.00	16.00	
74	25.01.05.0578	Lâm Văn	Triệu	Nam	28/01/1993	9.00	7.50	16.50	
75	25.01.05.0579	Nguyễn Thị	Trình	Nữ	14/10/1996	9.50	7.00	16.50	
76	25.01.05.0580	Mai Thị	Trình	Nữ	01/01/1997	8.50	6.00	14.50	
77	25.01.05.0581	Nguyễn Mậu	Trí	Nam	08/12/1990	9.00	6.00	15.00	
78	25.01.05.0582	Huỳnh Công	Trung	Nam	26/11/1994	10.00	7.50	17.50	
79	25.01.05.0583	Nguyễn Bảo	Trung	Nam	27/03/1997	10.00	8.00	18.00	
80	25.01.05.0584	Nguyễn Đình	Trung	Nam	06/08/1994	9.00	6.50	15.50	
81	25.01.05.0585	Khê Quang	Trưởng	Nam	20/02/1989	9.50	6.00	15.50	+1CS
82	25.01.05.0586	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	21/02/1996	9.50	7.50	17.00	
83	25.01.05.0587	Đào Anh	Tuấn	Nam	08/09/1994	v	v	0.00	
84	25.01.05.0588	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	05/12/1989	8.00	5.00	13.00	
85	25.01.05.0589	Lê Văn	Tú	Nam	02/05/1996	9.50	7.00	16.50	
86	25.01.05.0590	Lê Thanh	Tú	Nam	21/05/1995	8.50	6.50	15.00	
87	25.01.05.0591	Trương Phạm Minh	Uyên	Nữ	27/10/1994	5.00	4.00	9.00	
88	25.01.05.0592	Vương Xương	Vĩ	Nam	01/09/1996	8.50	7.00	15.50	
89	25.01.05.0593	Quách Thảo	Vy	Nữ	06/09/1997	7.50	5.00	12.50	
90	25.01.05.0594	Nguyễn Vũ Thảo	Vy	Nữ	04/01/1998	9.50	7.50	17.00	
91	25.01.05.0595	Đỗ Thị Như	Ý	Nữ	04/01/1997	9.00	6.50	15.50	
NGÀNH: HỒI SỨC CẤP CỨU – CHỐNG ĐỘC (75)									
1	25.01.06.0596	Nguyễn Văn Phước	An	Nam	21/02/1996	9.00	7.50	16.50	+1CS
2	25.01.06.0597	Lê Thu	Anh	Nữ	17/10/1987	9.50	7.50	17.00	
3	25.01.06.0598	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	31/10/1991	9.00	8.00	17.00	
4	25.01.06.0599	Đặng Hoàng	Ân	Nam	18/01/1995	9.50	7.00	16.50	
5	25.01.06.0600	Trần Hà Thiên	Ân	Nam	05/04/1995	9.50	8.50	18.00	
6	25.01.06.0601	Trần Đình	Bảo	Nam	19/07/1995	9.00	8.50	17.50	
7	25.01.06.0602	Phạm Giang	Bảo	Nam	12/03/1994	9.00	6.50	15.50	
8	25.01.06.0603	Nguyễn Đắc	Bách	Nam	12/12/1997	9.50	8.50	18.00	
9	25.01.06.0604	Danh	Bạc	Nam	20/07/1993	8.50	7.50	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
10	25.01.06.0605	Nguyễn Hải	Bình	Nam	19/05/1989	8.50	7.50	16.00	
11	25.01.06.0606	Trịnh Hồng	Can	Nam	07/01/1996	9.00	7.00	16.00	
12	25.01.06.0607	Nguyễn Đức	Công	Nam	28/04/1996	9.00	8.00	17.00	
13	25.01.06.0608	Bùi Thị	Cúc	Nữ	08/03/1995	9.50	7.00	16.50	
14	25.01.06.0609	Trần Huy	Cường	Nam	26/10/1998	8.00	6.00	14.00	
15	25.01.06.0610	Thái Quốc	Cường	Nam	25/05/1999	9.00	8.50	17.50	
16	25.01.06.0611	Lê Võ Đức	Duy	Nam	08/07/1998	v	v	0.00	
17	25.01.06.0612	Bùi Thanh	Duy	Nam	26/12/1995	9.00	7.00	16.00	
18	25.01.06.0613	Nguyễn Trọng	Duy	Nam	06/03/1995	9.00	7.50	16.50	
19	25.01.06.0614	Nguyễn Công	Dương	Nam	05/06/1994	8.50	6.50	15.00	
20	25.01.06.0615	Võ Phương	Đan	Nữ	25/05/1997	9.50	8.00	17.50	
21	25.01.06.0616	Lương Minh	Điệp	Nam	08/05/1992	7.00	7.00	14.00	
22	25.01.06.0617	Huỳnh Thị Kim	Hằng	Nữ	23/05/1988	9.00	7.00	16.00	
23	25.01.06.0618	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	22/01/1992	6.50	5.50	12.00	
24	25.01.06.0619	Nguyễn Đình	Hoàng	Nam	19/08/1994	7.00	7.00	14.00	
25	25.01.06.0620	Nguyễn Trung	Hoàng	Nam	12/07/1995	9.50	8.00	17.50	
26	25.01.06.0621	Lăng Thái	Hòa	Nam	10/08/1994	8.00	7.50	15.50	
27	25.01.06.0622	Nguyễn Quang	Huy	Nam	29/10/1997	9.00	7.50	16.50	
28	25.01.06.0623	Nguyễn Lê	Huyền	Nam	06/11/1995	9.50	7.50	17.00	
29	25.01.06.0624	Hà Việt	Hùng	Nam	24/05/1989	6.50	7.00	13.50	
30	25.01.06.0625	Đinh Việt	Hùng	Nam	20/12/1994	9.50	7.50	17.00	
31	25.01.06.0626	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	10/01/1995	10.00	8.50	18.50	
32	25.01.06.0627	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Nữ	09/01/1997	7.50	7.00	14.50	
33	25.01.06.0628	Bùi Nguyễn Thu	Hương	Nữ	23/01/1996	6.00	6.00	12.00	
34	25.01.06.0629	K'	Juýs	Nam	10/09/1991	8.50	6.00	14.50	
35	25.01.06.0630	Nguyễn Phạm Cao	Khoa	Nam	21/01/1994	9.00	7.50	16.50	
36	25.01.06.0631	Lê Thanh	Khôi	Nam	01/07/1991	8.00	7.00	15.00	
37	25.01.06.0632	Vương Dũng	Kiệt	Nam	25/04/1995	6.50	5.50	12.00	
38	25.01.06.0633	Đặng Khánh	Linh	Nữ	09/07/1997	9.50	8.50	18.00	
39	25.01.06.0634	Lê Dương	Linh	Nữ	06/07/1995	v	v	0.00	
40	25.01.06.0635	Trần Thị	Loan	Nữ	13/09/1981	8.50	7.00	15.50	
41	25.01.06.0636	Lê Xuân	Long	Nam	03/12/1988	9.50	8.00	17.50	
42	25.01.06.0637	Đặng Lê Hồng	Ngân	Nữ	16/04/1992	7.00	7.50	14.50	
43	25.01.06.0638	Lộc Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	24/09/1995	7.50	6.00	13.50	+1CS
44	25.01.06.0639	Hoàng Trọng	Nghĩa	Nam	18/03/1998	10.00	8.00	18.00	+1CS
45	25.01.06.0640	Mai Hoàng	Ngọc	Nam	13/09/1996	8.00	7.00	15.00	
46	25.01.06.0641	Trương Thành	Nhân	Nam	25/12/1996	9.00	8.50	17.50	
47	25.01.06.0642	Đỗ Nhật Đông	Quân	Nam	21/01/1996	9.00	8.00	17.00	
48	25.01.06.0643	Trịnh Văn	Quốc	Nam	18/02/1983	7.00	5.50	12.50	
49	25.01.06.0644	Lương Lai	Quốc	Nam	25/12/1989	10.00	8.00	18.00	
50	25.01.06.0645	Hoàng Trọng	Thanh	Nam	30/12/1993	6.00	5.50	11.50	
51	25.01.06.0646	Nguyễn Gia	Thành	Nam	27/10/1994	9.50	8.00	17.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
52	25.01.06.0647	Ngô Thị Bích	Thảo	Nữ	16/12/1997	9.00	7.50	16.50	
53	25.01.06.0648	Đoàn Lê	Thảo	Nữ	22/05/1997	v	v	0.00	
54	25.01.06.0649	Chu Hoàng Trường	Thạnh	Nam	26/10/1993	9.50	7.50	17.00	
55	25.01.06.0650	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	20/05/1978	7.50	8.00	15.50	
56	25.01.06.0651	Thạch Thị Sa	Thịa	Nữ	17/08/1993	v	v	0.00	
57	25.01.06.0652	Phan Quốc	Thông	Nam	20/08/1990	8.00	6.50	14.50	
58	25.01.06.0653	Nịriêng Njân	Thu	Nữ	22/09/1990	8.50	6.00	14.50	+1CS
59	25.01.06.0654	Đoàn Công	Tiến	Nam	24/08/1997	8.50	8.00	16.50	
60	25.01.06.0655	Huỳnh Văn	Tiến	Nam	20/10/1994	8.00	7.50	15.50	
61	25.01.06.0656	Nông Thế	Tinh	Nam	02/08/1996	10.00	8.00	18.00	+1CS
62	25.01.06.0657	Hà Đình	Toàn	Nam	15/06/1990	9.00	7.50	16.50	
63	25.01.06.0658	Trần Minh	Trang	Nữ	23/12/1996	8.50	7.00	15.50	
64	25.01.06.0659	Lê Thị Thảo	Trang	Nữ	18/04/1994	9.00	6.50	15.50	
65	25.01.06.0660	Phạm Thị Tú	Trình	Nữ	11/02/1998	9.50	8.00	17.50	
66	25.01.06.0661	Nguyễn Văn	Trình	Nam	08/10/1993	8.50	6.00	14.50	
67	25.01.06.0662	Nguyễn Minh	Trí	Nam	13/05/1997	9.50	8.50	18.00	
68	25.01.06.0663	Nguyễn Trọng	Tuệ	Nam	26/05/1995	8.50	7.50	16.00	
69	25.01.06.0664	Phạm Thanh	Tuyển	Nam	21/08/1990	9.50	7.00	16.50	
70	25.01.06.0665	Trần Minh	Tú	Nam	24/12/1994	9.00	7.50	16.50	
71	25.01.06.0666	Nguyễn Bá	Tước	Nam	21/12/1991	9.50	8.00	17.50	
72	25.01.06.0667	Ngô Thị Thu	Uyên	Nữ	08/12/1996	8.50	6.00	14.50	
73	25.01.06.0668	Võ Thị Phương	Uyên	Nữ	03/02/1996	8.00	6.00	14.00	
74	25.01.06.0669	Lê Tường	Vy	Nữ	01/01/1993	9.50	7.00	16.50	
75	25.01.06.0670	Dương Thị Mai	Xuân	Nữ	24/01/1994	9.00	8.00	17.00	
NGÀNH: HUYẾT HỌC (4)									
1	25.01.07.1575	Trần Thị Linh	Huệ	Nữ	11/03/1992	8.50	5.50	14.00	
2	25.01.07.1576	Lê Thị	Thắm	Nữ	15/03/1996	9.00	6.50	15.50	
3	25.01.07.1577	Nguyễn Thị Bạch	Thu	Nữ	02/03/1996	9.00	8.00	17.00	
4	25.01.07.1578	Lê Minh Đan	Thùy	Nữ	09/04/1997	9.00	8.50	17.50	
NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT (295)									
1	25.01.10.0866	Lê Hoàng	An	Nam	12/05/1993	v	v	0.00	
2	25.01.10.0867	Lê Tuyết	An	Nữ	15/11/1998	9.00	7.50	16.50	
3	25.01.10.0868	Ngô Tuấn	An	Nam	11/07/1996	8.50	7.00	15.50	
4	25.01.10.0869	Nguyễn Châu Mỹ	An	Nữ	05/05/1997	7.00	6.50	13.50	
5	25.01.10.0870	Phạm Ngọc	An	Nam	24/01/1996	9.50	7.00	16.50	
6	25.01.10.0871	Nguyễn Thúc	Anh	Nam	27/04/1996	7.50	6.50	14.00	
7	25.01.10.0872	Huỳnh Thảo	Anh	Nữ	21/08/1996	9.50	5.00	14.50	
8	25.01.10.0873	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	04/12/1994	7.50	6.50	14.00	
9	25.01.10.0874	Trần Thị Tuyết	Anh	Nữ	24/11/1996	9.50	7.00	16.50	
10	25.01.10.0875	Lê Minh	Anh	Nữ	15/12/1995	9.50	7.50	17.00	+1CS
11	25.01.10.0876	Huỳnh Hoàng	Anh	Nam	19/02/1995	v	v	0.00	
12	25.01.10.0877	H Văn	Ayũn	Nữ	01/06/1990	7.50	5.00	12.50	+1CS

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
13	25.01.10.0878	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	08/03/1996	9.00	7.50	16.50	
14	25.01.10.0879	Bùi Thiên	Ân	Nữ	13/12/1999	9.00	5.50	14.50	
15	25.01.10.0880	Lê Hoài	Bảo	Nam	29/02/1996	9.00	6.50	15.50	
16	25.01.10.0881	Ngô Võ Hoài	Bảo	Nam	06/06/1995	7.00	5.00	12.00	
17	25.01.10.0882	Phạm Hoàng	Bá	Nam	02/04/1994	9.00	6.00	15.00	
18	25.01.10.0883	Trần Duy	Bách	Nam	03/04/1991	9.00	7.50	16.50	
19	25.01.10.0884	Trần Huệ	Bình	Nữ	28/02/1997	10.00	7.50	17.50	
20	25.01.10.0885	H Eo	Byã	Nữ	17/11/1998	10.00	6.00	16.00	+1CS
21	25.01.10.0886	Trương Thị	Cần	Nữ	10/02/1993	8.50	4.00	12.50	
22	25.01.10.0887	Trịnh Thị Kim	Chi	Nữ	25/12/1996	7.50	6.00	13.50	
23	25.01.10.0888	Trần Phương Bảo	Chi	Nữ	21/05/1996	8.00	5.50	13.50	
24	25.01.10.0889	Lê Văn	Chính	Nam	20/01/1993	8.50	6.00	14.50	
25	25.01.10.0890	Vi Thị	Chung	Nữ	06/03/1993	9.00	7.50	16.50	
26	25.01.10.0891	Nguyễn Thành	Công	Nam	15/11/1995	5.50	5.50	11.00	
27	25.01.10.0892	Đình Quốc	Cường	Nam	09/04/1995	9.50	7.50	17.00	
28	25.01.10.0893	Hoàng Thị Mỹ	Dung	Nữ	19/08/1995	9.50	6.50	16.00	
29	25.01.10.0894	Nông Thị Ngọc	Dung	Nữ	15/03/1993	8.00	5.50	13.50	
30	25.01.10.0895	Phạm Thị Kiều	Dung	Nữ	27/08/1982	5.00	3.50	8.50	+1CS
31	25.01.10.0896	Nguyễn Trần Anh	Duy	Nam	28/12/1994	9.50	6.00	15.50	
32	25.01.10.0897	Nguyễn Vũ	Duy	Nam	02/08/1990	v	v	0.00	
33	25.01.10.0898	Trịnh Ngọc	Duy	Nam	26/12/1996	8.00	6.50	14.50	
34	25.01.10.0899	Nguyễn Thị Mai	Duyên	Nữ	05/12/1997	9.50	7.50	17.00	
35	25.01.10.0900	Trần Quốc	Dũng	Nam	30/06/1997	v	v	0.00	
36	25.01.10.0901	Trần Minh	Dũng	Nam	25/08/1992	v	v	0.00	
37	25.01.10.0902	Nguyễn Hứa Phan Ngọc Thùy	Dương	Nữ	21/08/1996	9.00	7.00	16.00	
38	25.01.10.0903	Đặng Thị	Duyệt	Nữ	02/06/1996	v	v	0.00	
39	25.01.10.0904	Võ Ngọc	Dự	Nam	06/11/1997	8.50	7.50	16.00	
40	25.01.10.0905	Nguyễn Trần Bảo	Dy	Nam	19/04/1996	9.50	7.50	17.00	
41	25.01.10.0906	Lê Hoàng Linh	Đan	Nữ	20/08/1996	6.50	5.50	12.00	
42	25.01.10.0907	Tôn Thành	Đạt	Nam	29/07/1997	9.50	6.50	16.00	
43	25.01.10.0908	Dương Hữu	Đạt	Nam	02/09/1996	9.50	8.00	17.50	
44	25.01.10.0909	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	30/09/1997	9.50	7.50	17.00	
45	25.01.10.0910	Lê Hoàng	Đầu	Nam	22/12/1993	10.00	7.50	17.50	
46	25.01.10.0911	Phạm Thị	Điệp	Nữ	04/09/1990	9.00	6.00	15.00	
47	25.01.10.0912	Nguyễn Bá	Định	Nam	10/10/1992	7.00	6.00	13.00	
48	25.01.10.0913	Tạ Hồ Minh	Đông	Nam	06/12/1995	9.00	7.00	16.00	
49	25.01.10.0914	Nguyễn Đức	Độ	Nam	20/04/1994	9.50	7.50	17.00	
50	25.01.10.0915	Nguyễn Lê Chính	Đức	Nam	24/12/1995	6.50	6.00	12.50	
51	25.01.10.0916	Phạm Minh	Đức	Nam	01/08/1995	8.00	6.00	14.00	
52	25.01.10.0917	Nguyễn Hồng	Đức	Nam	02/02/1996	9.00	6.50	15.50	+1CS
53	25.01.10.0918	Nguyễn Út	Em	Nam	01/01/1995	8.50	5.50	14.00	
54	25.01.10.0919	Trần Cao Châu	Giang	Nam	09/10/1995	5.50	5.00	10.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
55	25.01.10.0920	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	21/05/1999	8.50	5.50	14.00	
56	25.01.10.0921	Vũ Ngọc	Hà	Nữ	17/06/1995	9.00	7.50	16.50	
57	25.01.10.0922	Phan Trường	Hải	Nam	14/07/1996	7.00	4.00	11.00	
58	25.01.10.0923	Võ Thanh	Hải	Nam	24/10/1995	6.50	6.50	13.00	
59	25.01.10.0924	Mai Ngọc	Hải	Nam	19/07/1995	8.00	7.00	15.00	
60	25.01.10.0925	Trịnh	Hào	Nam	07/07/1987	8.50	6.50	15.00	
61	25.01.10.0926	Ngô Thị Xuân	Hạnh	Nữ	27/11/1997	8.00	6.00	14.00	
62	25.01.10.0927	Phạm Thị Ngọc	Hằng	Nữ	31/12/1988	7.50	7.00	14.50	
63	25.01.10.0928	Phạm Mai	Hân	Nữ	31/10/1995	6.50	5.50	12.00	
64	25.01.10.0929	Nguyễn Trần Bảo	Hân	Nữ	20/06/1996	9.00	7.00	16.00	
65	25.01.10.0930	Vũ Trung	Hậu	Nam	16/01/1993	9.00	7.50	16.50	
66	25.01.10.0931	H' Bok	Hdok	Nữ	20/11/1993	9.00	6.50	15.50	+1CS
67	25.01.10.0932	Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	02/01/1999	9.00	7.50	16.50	
68	25.01.10.0933	Ngô Hồ Trọng	Hiếu	Nam	18/01/1998	9.00	6.00	15.00	
69	25.01.10.0934	Vương Duy	Hiệp	Nam	01/11/1989	v	v	0.00	
70	25.01.10.0935	Nguyễn Đình	Hiệp	Nam	10/11/1994	8.50	6.00	14.50	
71	25.01.10.0936	Võ Thị Kim	Hoa	Nữ	01/01/1990	7.50	4.00	11.50	
72	25.01.10.0937	Huỳnh Thị Kim	Hoan	Nữ	16/09/1994	v	v	0.00	
73	25.01.10.0938	Trần Thu	Hoài	Nữ	26/11/1996	7.50	7.00	14.50	
74	25.01.10.0939	Nguyễn Tiến	Hoàng	Nam	10/03/1989	6.00	4.00	10.00	
75	25.01.10.0940	Ngô Huy	Hoàng	Nam	23/10/1993	7.00	6.00	13.00	
76	25.01.10.0941	Tiêu Hồng	Hoàng	Nam	06/02/1997	8.50	6.50	15.00	
77	25.01.10.0942	Nguyễn Đức Khánh	Hoàng	Nam	09/11/1996	8.00	5.50	13.50	
78	25.01.10.0943	Phan Nhựt Nguyễn Minh	Hòa	Nam	01/06/1997	9.00	8.00	17.00	
79	25.01.10.0944	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	25/05/1997	9.50	6.50	16.00	
80	25.01.10.0945	Trần Thị	Hòa	Nữ	05/12/1993	8.00	6.50	14.50	
81	25.01.10.0946	Lê Tiến	Học	Nam	02/03/1983	v	v	0.00	
82	25.01.10.0947	Đinh Thị Khánh	Hồng	Nữ	22/12/1995	9.00	7.00	16.00	
83	25.01.10.0948	Ka'	Hue	Nữ	15/09/1994	10.00	7.00	17.00	+1CS
84	25.01.10.0949	Trần Thị Như	Huỳnh	Nữ	29/06/1998	8.00	5.00	13.00	
85	25.01.10.0950	Quảng Đại	Hung	Nam	14/09/1993	6.00	6.00	12.00	
86	25.01.10.0951	Phạm Nghĩa	Hung	Nam	16/01/1998	10.00	5.50	15.50	+1CS
87	25.01.10.0952	Trần Ngọc Hoài	Hương	Nữ	24/11/1997	10.00	5.50	15.50	+1CS
88	25.01.10.0953	Lâm Lê Thanh	Hương	Nữ	05/02/1998	8.00	6.50	14.50	
89	25.01.10.0954	Hoàng Thu	Hương	Nữ	22/11/1995	8.00	5.00	13.00	
90	25.01.10.0955	Danh Sóc	Kha	Nam	25/12/1995	v	v	0.00	
91	25.01.10.0956	Lê Phương Duy	Kha	Nam	05/08/1993	9.50	7.00	16.50	
92	25.01.10.0957	Nguyễn Vũ Mai	Khanh	Nữ	17/08/1996	9.00	6.50	15.50	
93	25.01.10.0958	Nguyễn Duy	Khanh	Nam	09/04/1995	9.00	6.50	15.50	
94	25.01.10.0959	Lý Minh	Khánh	Nam	13/06/1996	9.00	6.50	15.50	
95	25.01.10.0960	Nguyễn Thị Vân	Khánh	Nữ	21/10/1998	4.00	v	4.00	
96	25.01.10.0961	Lê Bảo	Khánh	Nữ	03/07/1996	v	v	0.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
97	25.01.10.0962	Trần Huỳnh Tuấn	Khoa	Nam	05/07/1995	9.50	7.00	16.50	
98	25.01.10.0963	Phan Tuấn Anh	Kiệt	Nam	16/10/1997	9.50	8.00	17.50	
99	25.01.10.0964	Hoàng Tuấn	Kiệt	Nam	15/04/1993	8.50	6.50	15.00	
100	25.01.10.0965	Đỗ Lê Tuấn	Kiệt	Nam	15/05/1997	7.50	6.00	13.50	
101	25.01.10.0966	Nguyễn Đình Chi	Lan	Nữ	27/09/1997	9.00	6.50	15.50	
102	25.01.10.0967	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	12/03/1994	v	v	0.00	
103	25.01.10.0968	Nguyễn Huỳnh Trọng	Lâm	Nam	01/07/1996	8.50	6.00	14.50	
104	25.01.10.0969	Đỗ Tùng	Lâm	Nam	13/07/1996	7.50	6.00	13.50	
105	25.01.10.0970	Nguyễn Duy	Linh	Nam	02/11/1994	v	v	0.00	
106	25.01.10.0971	Phạm Đức	Linh	Nam	23/12/1997	9.00	7.00	16.00	
107	25.01.10.0972	Nguyễn Thị Hồng	Linh	Nữ	23/02/1995	9.50	8.00	17.50	
108	25.01.10.0973	Nguyễn Duy	Linh	Nam	07/03/1982	9.00	5.50	14.50	+1CS
109	25.01.10.0974	Lưu Thị Khánh	Linh	Nữ	24/11/1996	10.00	7.50	17.50	
110	25.01.10.0975	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	17/12/1997	10.00	8.00	18.00	
111	25.01.10.0976	Thọ Trường	Linh	Nam	09/09/1996	v	v	0.00	
112	25.01.10.0977	Hà Thị	Loan	Nữ	19/11/1996	7.50	5.50	13.00	
113	25.01.10.0978	Hoàng Thị Hồng	Loan	Nữ	23/07/1994	9.50	7.50	17.00	
114	25.01.10.0979	Nguyễn Đức	Long	Nam	06/09/1993	6.50	3.50	10.00	
115	25.01.10.0980	Lê Bùi Hoàng	Long	Nam	05/02/1996	9.00	6.00	15.00	
116	25.01.10.0981	Siu H'	Lôm	Nữ	23/09/1997	10.00	6.00	16.00	+1CS
117	25.01.10.0982	Hà Tấn	Lộc	Nam	04/01/1994	9.50	7.50	17.00	
118	25.01.10.0983	Nguyễn Minh	Lộc	Nam	18/01/1996	7.00	4.00	11.00	
119	25.01.10.0984	Thập Xuân	Luân	Nam	05/04/1995	9.50	6.50	16.00	
120	25.01.10.0985	Nguyễn Thị Thảo	Ly	Nữ	26/05/1997	9.00	7.00	16.00	
121	25.01.10.0986	Trịnh Thị	Lý	Nữ	24/04/1996	9.50	7.00	16.50	
122	25.01.10.0987	Lăng Thị Trà	Mi	Nữ	25/02/1997	10.00	7.00	17.00	+1CS
123	25.01.10.0988	Trương Nhật	Minh	Nam	02/06/1993	9.50	6.00	15.50	
124	25.01.10.0989	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	12/01/1994	v	v	0.00	
125	25.01.10.0990	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	21/10/1991	6.00	5.50	11.50	
126	25.01.10.0991	Dương Thị	Mơ	Nữ	23/01/1994	9.00	7.00	16.00	
127	25.01.10.0992	Phan Thị Huỳnh	Mơ	Nữ	09/12/1996	7.00	5.50	12.50	
128	25.01.10.0993	Nguyễn Thị	My	Nữ	01/01/1995	9.50	6.50	16.00	
129	25.01.10.0994	Nông Thị Hà	My	Nữ	15/06/1994	8.00	5.50	13.50	
130	25.01.10.0995	Cao Phan Thế	My	Nữ	13/05/1994	8.50	6.50	15.00	
131	25.01.10.0996	Đặng Thị	Nam	Nữ	05/8/1984	v	v	0.00	
132	25.01.10.0997	Trần Vỹ	Nam	Nam	12/06/1997	8.00	5.50	13.50	
133	25.01.10.0998	Nguyễn Lê Khoa	Nam	Nam	01/01/1995	8.00	6.00	14.00	
134	25.01.10.0999	Trương Hải	Nam	Nam	10/12/1997	8.00	6.50	14.50	
135	25.01.10.1000	Thạch Xâm	Nang	Nam	10/10/1985	7.00	4.00	11.00	
136	25.01.10.1001	Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	10/12/1991	v	v	0.00	
137	25.01.10.1002	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	13/04/1995	7.50	5.00	12.50	
138	25.01.10.1003	Trịnh Nhựt Hoàng	Ngân	Nữ	05/06/1997	8.50	5.50	14.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
139	25.01.10.1004	Phạm Thanh	Ngân	Nữ	04/01/1997	10.00	7.00	17.00	
140	25.01.10.1005	Thạch Dương Thuý	Ngân	Nữ	30/11/1996	5.00	5.00	10.00	
141	25.01.10.1006	Trần Hữu	Nghĩa	Nam	18/10/1994	8.00	6.50	14.50	
142	25.01.10.1007	Lương Tuyết	Nghĩa	Nữ	18/10/1993	9.00	5.50	14.50	
143	25.01.10.1008	Trần Thị Bé	Ngoan	Nữ	04/08/1995	9.00	5.00	14.00	+1CS
144	25.01.10.1009	Thạch	Ngọc	Nam	01/01/1991	v	v	0.00	
145	25.01.10.1010	Trần Hoàng Duy	Ngọc	Nam	10/02/1995	8.50	6.50	15.00	
146	25.01.10.1011	Hồ Sỹ	Ngọc	Nam	22/12/1994	9.00	7.00	16.00	
147	25.01.10.1012	Phạm Minh	Ngọc	Nữ	16/03/1995	9.50	6.50	16.00	
148	25.01.10.1013	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	23/09/1996	7.50	5.50	13.00	
149	25.01.10.1014	Hồ Trọng	Nguyên	Nam	19/12/1999	8.00	7.50	15.50	
150	25.01.10.1015	Lâm Huỳnh Thượng	Nguyên	Nữ	24/02/1994	v	v	0.00	
151	25.01.10.1016	Lê Thị Thu	Nguyệt	Nữ	01/05/1996	8.50	7.50	16.00	
152	25.01.10.1017	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	28/01/1995	v	v	0.00	
153	25.01.10.1018	Trần Xuân	Nhã	Nam	20/12/1996	9.50	7.00	16.50	
154	25.01.10.1019	Lê Trọng	Nhân	Nam	10/12/1996	7.50	5.00	12.50	
155	25.01.10.1020	Tổng Hữu	Nhân	Nam	01/01/1996	9.50	6.50	16.00	
156	25.01.10.1021	Nguyễn Đình	Nhân	Nam	01/01/1994	10.00	8.00	18.00	
157	25.01.10.1022	Nguyễn Kim Khánh	Nhật	Nam	02/07/1994	8.50	6.50	15.00	
158	25.01.10.1023	Nguyễn Hữu	Nhật	Nam	15/11/1995	8.50	7.00	15.50	
159	25.01.10.1024	Nguyễn Việt Thiên	Nhi	Nữ	17/03/1995	9.00	6.50	15.50	
160	25.01.10.1025	Phạm Thị Khánh	Nhi	Nữ	07/09/1997	9.00	6.00	15.00	
161	25.01.10.1026	Yên Hoàng Phương	Nhi	Nữ	02/10/1995	5.50	4.00	9.50	
162	25.01.10.1027	Dương Phương	Nhi	Nữ	29/01/1996	9.50	8.00	17.50	
163	25.01.10.1028	Lã Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	17/09/1996	9.50	7.50	17.00	
164	25.01.10.1029	Quách Lê Gia	Như	Nữ	09/06/1997	v	v	0.00	
165	25.01.10.1030	Trần Quỳnh	Như	Nữ	20/11/1997	v	v	0.00	
166	25.01.10.1031	Lục Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	17/03/1994	8.00	5.50	13.50	
167	25.01.10.1032	Phạm Minh	Nhựt	Nam	28/08/1996	9.00	6.50	15.50	
168	25.01.10.1033	Trần Thị	Oanh	Nữ	05/08/1998	8.00	7.00	15.00	
169	25.01.10.1034	Lưu Thị Phương	Oanh	Nữ	06/05/1992	v	v	0.00	
170	25.01.10.1035	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	01/10/1997	9.00	7.50	16.50	
171	25.01.10.1036	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	20/11/1994	9.50	7.50	17.00	
172	25.01.10.1037	Nguyễn Long	Phi	Nam	01/04/1995	9.50	6.50	16.00	
173	25.01.10.1038	Võ Thế	Phiệt	Nam	10/12/1995	8.50	6.00	14.50	
174	25.01.10.1039	Nguyễn Tiên	Phong	Nam	04/05/1998	7.50	4.00	11.50	
175	25.01.10.1040	Trương Hùng	Phong	Nam	16/12/1996	9.00	6.50	15.50	
176	25.01.10.1041	Lê Thanh	Phong	Nam	11/10/1996	5.00	4.00	9.00	
177	25.01.10.1042	Nguyễn	Phú	Nam	18/11/1997	v	v	0.00	
178	25.01.10.1043	Nguyễn Quang	Phú	Nam	04/01/1996	8.00	7.50	15.50	
179	25.01.10.1044	Nguyễn Trần Hồng	Phúc	Nữ	05/11/1998	8.50	5.50	14.00	
180	25.01.10.1045	Hồ Thanh	Phúc	Nam	04/12/1995	9.00	7.00	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
181	25.01.10.1046	Trần Tấn Phúc	Phúc	Nam	24/05/1996	4.00	2.50	6.50	
182	25.01.10.1047	Nguyễn Trần Thiên	Phúc	Nữ	18/09/1996	v	v	0.00	
183	25.01.10.1048	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	Nữ	15/06/1995	7.50	6.50	14.00	
184	25.01.10.1049	Huỳnh Vũ	Phương	Nam	15/08/1998	8.50	7.50	16.00	
185	25.01.10.1050	Nguyễn Văn	Phương	Nam	25/08/1990	6.00	4.00	10.00	
186	25.01.10.1051	Đặng Vy	Phương	Nữ	07/11/1997	7.00	4.00	11.00	
187	25.01.10.1052	Nguyễn Ngọc Xuân	Phương	Nữ	02/01/1996	9.50	8.00	17.50	
188	25.01.10.1053	Lê Mỹ Kim	Phương	Nữ	25/05/1994	7.00	4.00	11.00	
189	25.01.10.1054	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	07/05/1996	7.00	4.00	11.00	
190	25.01.10.1055	Lê Xuân	Phước	Nam	15/08/1993	8.50	6.00	14.50	
191	25.01.10.1056	Bùi Thị	Phượng	Nữ	05/05/1987	8.50	6.00	14.50	
192	25.01.10.1057	Nguyễn Phan Minh	Quân	Nam	05/01/1988	9.00	6.00	15.00	
193	25.01.10.1058	Lâm Hồng	Quân	Nữ	29/07/1996	8.50	8.00	16.50	
194	25.01.10.1059	Mai Văn	Quốc	Nam	24/03/1997	9.00	6.00	15.00	
195	25.01.10.1060	Nguyễn Hoàng Lệ	Quyên	Nữ	09/09/1997	9.50	7.00	16.50	
196	25.01.10.1061	Phan Thị Lệ	Quyên	Nữ	27/08/1995	8.00	6.00	14.00	
197	25.01.10.1062	Phan Đỗ	Quyên	Nữ	06/10/1993	9.50	7.00	16.50	
198	25.01.10.1063	Trần Minh	Quyên	Nam	11/05/1999	9.50	7.00	16.50	
199	25.01.10.1064	Nguyễn Đăng	Quyên	Nam	18/10/1997	9.00	7.50	16.50	
200	25.01.10.1065	Tăng Ngọc Mai	Quỳnh	Nữ	31/08/1997	9.00	7.50	16.50	
201	25.01.10.1066	Lê Trương Cẩm	Quỳnh	Nữ	02/10/1998	v	v	0.00	
202	25.01.10.1067	Lương Gia	Quỳnh	Nữ	24/10/1997	9.50	6.50	16.00	+1CS
203	25.01.10.1068	Hồ Trí	Sang	Nam	05/10/1995	8.00	6.00	14.00	
204	25.01.10.1069	Phan Tấn	Sơn	Nam	06/03/1997	8.50	8.00	16.50	
205	25.01.10.1070	Đỗ Ngọc Tuyết	Sơn	Nữ	28/11/1993	8.00	6.00	14.00	
206	25.01.10.1071	Trần Thị Thu	Sương	Nữ	18/09/1997	9.00	6.50	15.50	
207	25.01.10.1072	Huỳnh Khánh	Tài	Nam	08/12/1996	9.00	7.50	16.50	
208	25.01.10.1073	Lê Thành	Tâm	Nam	10/12/1990	8.00	6.50	14.50	
209	25.01.10.1074	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	01/05/1995	8.50	6.50	15.00	
210	25.01.10.1075	Trần Minh	Tâm	Nam	14/08/1995	v	v	0.00	
211	25.01.10.1076	Hồ Chí	Tâm	Nam	11/08/1998	9.50	8.00	17.50	
212	25.01.10.1077	Phạm Thanh	Tân	Nam	19/05/1991	v	v	0.00	
213	25.01.10.1078	Nguyễn Hoàng Thiên	Tân	Nam	29/09/1995	7.50	5.50	13.00	
214	25.01.10.1079	Nguyễn Trường	Tân	Nam	25/08/1991	9.00	7.00	16.00	
215	25.01.10.1080	Võ Hồng	Tân	Nam	21/10/1997	8.00	6.00	14.00	
216	25.01.10.1081	Nguyễn Hữu	Tấn	Nam	22/06/1996	9.00	7.00	16.00	
217	25.01.10.1082	Neáng Reth	Tha	Nữ	04/01/1991	9.00	6.00	15.00	
218	25.01.10.1083	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	20/01/1992	8.50	6.50	15.00	
219	25.01.10.1084	Võ Thị	Thanh	Nữ	01/01/1994	9.00	6.00	15.00	
220	25.01.10.1085	Nguyễn Thiên Bảo	Thanh	Nam	21/11/1994	7.50	7.00	14.50	
221	25.01.10.1086	Nguyễn Ngọc Băng	Thanh	Nữ	31/03/1993	4.00	5.00	9.00	
222	25.01.10.1087	Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	27/11/1995	8.00	5.00	13.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
223	25.01.10.1088	Hà Thuận	Thành	Nam	25/07/1990	9.50	6.50	16.00	
224	25.01.10.1089	Đỗ Phương	Thành	Nam	30/07/1996	7.50	5.50	13.00	
225	25.01.10.1090	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	30/07/1992	7.50	6.00	13.50	
226	25.01.10.1091	Trương Thanh	Thảo	Nữ	07/10/1991	8.50	7.50	16.00	
227	25.01.10.1092	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	Nữ	16/03/1992	v	v	0.00	
228	25.01.10.1093	Phạm Thanh	Thái	Nam	12/11/1995	6.50	5.00	11.50	
229	25.01.10.1094	Nguyễn Hoàng	Thái	Nam	30/12/1994	6.50	5.00	11.50	
230	25.01.10.1095	Viên Quốc	Thái	Nam	20/07/1996	8.50	6.00	14.50	
231	25.01.10.1096	Nguyễn Hữu	Thanh	Nam	10/11/1994	9.00	6.50	15.50	
232	25.01.10.1097	Võ Xuân	Thăng	Nam	15/10/1994	v	v	0.00	
233	25.01.10.1098	Võ Văn	Thắng	Nam	18/07/1995	7.50	6.00	13.50	
234	25.01.10.1099	Ka'	Thân	Nữ	13/05/1992	8.50	6.50	15.00	
235	25.01.10.1100	Tổng Việt Ngọc	Thịnh	Nam	03/10/1994	7.50	6.00	13.50	
236	25.01.10.1101	Trần Quang	Thịnh	Nam	02/07/1997	6.00	4.00	10.00	
237	25.01.10.1102	Trần Hưng	Thịnh	Nam	26/01/1997	9.50	5.50	15.00	
238	25.01.10.1103	Nguyễn An	Thịnh	Nam	18/10/1993	9.50	6.00	15.50	
239	25.01.10.1104	Mã Trường	Thịnh	Nam	30/08/1999	8.50	6.50	15.00	
240	25.01.10.1105	Hoàng Ngọc	Thu	Nam	03/07/1985	7.50	5.50	13.00	
241	25.01.10.1106	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	18/02/1991	8.50	6.00	14.50	+1CS
242	25.01.10.1107	Dương Thị Thanh	Thùy	Nữ	02/01/1997	9.00	6.00	15.00	
243	25.01.10.1108	Phan Thị Thu	Thùy	Nữ	08/06/1998	v	v	0.00	
244	25.01.10.1109	Huỳnh Thị Mộng	Thúy	Nữ	21/03/1995	9.00	7.00	16.00	
245	25.01.10.1110	Lê Thị Hồng	Thúy	Nữ	15/07/1995	8.50	7.00	15.50	
246	25.01.10.1111	Tài Công Diễm	Thúy	Nữ	13/12/1996	9.00	6.00	15.00	
247	25.01.10.1112	Ngô Đình Anh	Thư	Nữ	31/10/1996	9.50	9.00	18.50	
248	25.01.10.1113	Võ Hoài	Thương	Nữ	05/09/1995	9.50	7.50	17.00	
249	25.01.10.1114	Trần Thị Hoài	Thương	Nữ	11/01/1996	9.50	6.50	16.00	
250	25.01.10.1115	Nguyễn Hoàng Hoài	Thương	Nữ	15/07/1997	10.00	7.50	17.50	
251	25.01.10.1116	Trịnh Nguyễn Quỳnh	Tiên	Nữ	29/03/1996	9.50	7.00	16.50	
252	25.01.10.1117	Võ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	10/10/1993	9.00	7.00	16.00	
253	25.01.10.1118	Nguyễn Thị Nhật	Tiên	Nữ	10/08/1996	9.50	6.50	16.00	
254	25.01.10.1119	Phan Thị Kim	Tiến	Nữ	10/03/1997	9.50	7.50	17.00	
255	25.01.10.1120	Nguyễn Thành	Tín	Nam	10/04/1994	v	v	0.00	
256	25.01.10.1121	Nguyễn Trung	Tín	Nam	25/12/1998	8.00	5.50	13.50	
257	25.01.10.1122	Phạm Trung	Tính	Nam	13/08/1999	6.00	4.00	10.00	
258	25.01.10.1123	Bùi Văn	Toàn	Nam	09/09/1996	7.00	5.00	12.00	
259	25.01.10.1124	Bùi Văn	Toàn	Nam	15/02/1990	8.50	6.50	15.00	
260	25.01.10.1125	Phạm Thị Thủy	Trang	Nữ	19/10/1996	9.00	7.00	16.00	
261	25.01.10.1126	Phạm Lê	Trà	Nam	13/07/1993	v	v	0.00	
262	25.01.10.1127	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	Nữ	11/12/1997	9.50	7.00	16.50	
263	25.01.10.1128	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Nữ	24/12/1995	9.50	7.50	17.00	
264	25.01.10.1129	Âu Dương Bảo	Trân	Nữ	16/11/1996	9.00	7.00	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
265	25.01.10.1130	Lê Đoàn Bảo	Trần	Nữ	10/07/1995	8.00	6.50	14.50	
266	25.01.10.1131	Huỳnh Thế Minh	Triết	Nam	11/02/1996	8.00	6.50	14.50	
267	25.01.10.1132	Nguyễn Văn	Triệu	Nam	30/08/1993	8.50	6.00	14.50	
268	25.01.10.1133	Văn Tú	Trình	Nữ	30/04/1994	6.00	4.00	10.00	
269	25.01.10.1134	Vũ Minh	Trí	Nam	26/12/1996	9.50	7.00	16.50	
270	25.01.10.1135	Trần Thanh Nhân	Trí	Nam	19/04/1996	9.00	6.50	15.50	
271	25.01.10.1136	Trang Thế	Trung	Nam	10/03/1997	9.00	6.50	15.50	
272	25.01.10.1137	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	12/05/1996	v	v	0.00	
273	25.01.10.1138	Trình Thị Thanh	Trúc	Nữ	11/06/1998	9.00	7.00	16.00	
274	25.01.10.1139	Vương Tuấn	Trường	Nam	17/09/1996	v	v	0.00	
275	25.01.10.1140	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	10/05/1990	6.00	3.50	9.50	
276	25.01.10.1141	Võ Thanh	Tuấn	Nam	03/01/1996	8.00	7.00	15.00	
277	25.01.10.1142	Nguyễn Thanh	Tuyển	Nữ	15/07/1994	8.00	5.00	13.00	
278	25.01.10.1143	Hà Công	Tùng	Nam	24/01/1998	v	v	0.00	
279	25.01.10.1144	Cao Duy	Tùng	Nam	13/01/1994	9.50	8.00	17.50	
280	25.01.10.1145	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	30/06/1996	6.50	6.00	12.50	
281	25.01.10.1146	Nguyễn Trần Phương	Uyên	Nữ	07/05/1997	7.00	5.50	12.50	
282	25.01.10.1147	Đàm Trung	Văn	Nam	01/05/1996	10.00	7.00	17.00	+1CS
283	25.01.10.1148	Nguyễn Tường	Vân	Nữ	21/09/1998	7.50	5.50	13.00	
284	25.01.10.1149	Phạm Ngọc Tường	Vi	Nữ	26/05/1994	8.00	5.00	13.00	
285	25.01.10.1150	Phạm Công	Vinh	Nam	19/06/1997	9.00	7.00	16.00	
286	25.01.10.1151	Trịnh Trường	Vinh	Nam	03/01/1988	v	v	0.00	
287	25.01.10.1152	Trương Khắc	Vũ	Nam	01/02/1993	9.00	7.00	16.00	
288	25.01.10.1153	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	05/08/1989	v	v	0.00	
289	25.01.10.1154	Hà Hoàng Thiên	Vương	Nam	11/01/1995	9.00	7.00	16.00	
290	25.01.10.1155	Lương Thị	Vững	Nữ	20/01/1992	7.50	6.00	13.50	
291	25.01.10.1156	Nguyễn Ngọc Lam	Vy	Nữ	20/11/1996	8.00	6.50	14.50	
292	25.01.10.1157	Phạm Nguyễn Mai	Vy	Nữ	14/03/1998	9.00	7.00	16.00	
293	25.01.10.1158	Huỳnh Tiến	Vỹ	Nam	30/08/1997	9.50	7.50	17.00	
294	25.01.10.1159	Võ Quý	Vỹ	Nam	08/10/1996	9.00	7.50	16.50	
295	25.01.10.1160	Đặng Thị	Yến	Nữ	13/08/1993	8.50	6.50	15.00	+1CS
NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT (27)									
1	25.01.12.1161	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	01/08/1994	8.00	7.50	15.50	
2	25.01.12.1162	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	01/07/1995	5.50	7.00	12.50	
3	25.01.12.1163	Lê Quang	Đại	Nam	16/12/1995	5.50	6.50	12.00	
4	25.01.12.1164	Đặng Văn	Đạt	Nam	02/01/1994	7.00	7.00	14.00	
5	25.01.12.1165	Đặng Văn	Đồng	Nam	26/12/1991	7.00	7.50	14.50	
6	25.01.12.1166	Trần Minh	Đức	Nam	15/06/1998	4.00	5.00	9.00	
7	25.01.12.1167	Phạm Duy	Đức	Nam	19/01/1998	5.00	5.00	10.00	
8	25.01.12.1168	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	24/04/1994	6.50	6.50	13.00	
9	25.01.12.1169	Trương Mạnh	Huy	Nam	09/07/1996	8.50	8.00	16.50	
10	25.01.12.1170	Nguyễn Đắc Anh	Huy	Nam	30/03/1998	8.50	8.00	16.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
11	25.01.12.1171	Nông Mạnh	Hùng	Nam	01/07/1992	5.50	5.50	11.00	
12	25.01.12.1172	Phạm Trọng	Khánh	Nam	12/12/1997	7.50	7.50	15.00	
13	25.01.12.1173	Lê Hà Quốc	Khánh	Nam	01/08/1994	v	v	0.00	
14	25.01.12.1174	Lê Anh	Khoa	Nam	07/11/1990	6.00	6.00	12.00	
15	25.01.12.1175	Lê Văn	Mến	Nam	01/06/1996	5.50	8.00	13.50	
16	25.01.12.1176	Trương Đỗ Trung	Nguyên	Nam	15/09/1996	8.50	8.50	17.00	
17	25.01.12.1177	Lê Nho Minh	Nhật	Nam	12/08/1993	6.00	6.00	12.00	
18	25.01.12.1178	Nguyễn Đình	Nhật	Nam	03/05/1990	7.50	7.50	15.00	
19	25.01.12.1179	Phan Ngọc	Phát	Nam	14/05/1994	8.00	8.00	16.00	
20	25.01.12.1180	Huỳnh Vĩnh	Phú	Nam	09/01/1991	5.50	6.00	11.50	
21	25.01.12.1181	Đào Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	20/04/1997	5.50	7.50	13.00	
22	25.01.12.1182	Nguyễn Thanh	Trí	Nam	24/02/1992	4.00	5.00	9.00	
23	25.01.12.1183	Lê Nguyễn Huỳnh	Trung	Nam	27/08/1991	v	v	0.00	
24	25.01.12.1184	Nguyễn Văn	Trưởng	Nam	24/04/1988	7.00	7.00	14.00	
25	25.01.12.1185	Nguyễn Hữu	Viết	Nam	16/03/1988	7.00	7.50	14.50	
26	25.01.12.1186	Vô Việt	Vương	Nam	14/09/1998	6.50	7.50	14.00	
27	25.01.12.1187	Dương Thị Nữ	Y	Nữ	15/08/1994	5.00	5.50	10.50	
NGÀNH: NHÂN KHOA (65)									
1	25.01.08.0671	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	30/06/1996	6.00	5.00	11.00	+1CS
2	25.01.08.0672	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	26/12/1994	7.00	8.00	15.00	
3	25.01.08.0673	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nam	05/07/1994	5.00	4.00	9.00	
4	25.01.08.0674	Trương Hoài	Ân	Nam	14/08/1991	7.50	7.50	15.00	
5	25.01.08.0675	Nguyễn Đình	Bảo	Nam	14/04/1986	v	v	0.00	
6	25.01.08.0676	Nguyễn Lý	Bình	Nam	08/10/1983	6.00	6.50	12.50	
7	25.01.08.0677	Hoàng Hải	Châu	Nữ	17/12/1994	8.00	6.00	14.00	
8	25.01.08.0678	Trần Thị Trúc	Chi	Nữ	17/07/1998	6.50	9.50	16.00	
9	25.01.08.0679	Đào Anh	Chiến	Nam	16/12/1993	5.50	7.00	12.50	
10	25.01.08.0680	Đặng Thành	Danh	Nam	27/11/1991	6.50	7.00	13.50	
11	25.01.08.0681	Nguyễn Văn	Dung	Nữ	20/10/1992	4.00	5.00	9.00	
12	25.01.08.0682	Hoàng Thùy	Dung	Nữ	27/09/1991	v	v	0.00	+1CS
13	25.01.08.0683	Cao Hoàng Trúc	Duyên	Nữ	23/12/1994	6.50	6.50	13.00	
14	25.01.08.0684	Nguyễn Huy	Dũng	Nam	18/09/1997	7.50	8.00	15.50	
15	25.01.08.0685	Trần Văn	Dự	Nam	19/08/1996	8.00	8.50	16.50	
16	25.01.08.0686	Huỳnh Nguyễn Hồng	Điệp	Nữ	06/12/1996	7.50	8.00	15.50	+1CS
17	25.01.08.0687	Nguyễn Tuấn	Đức	Nam	05/11/1992	6.50	10.00	16.50	
18	25.01.08.0688	Phạm Thị	Giang	Nữ	28/07/1989	v	v	0.00	
19	25.01.08.0689	Hoàng Thúy	Hải	Nữ	30/12/1998	5.00	5.50	10.50	
20	25.01.08.0690	Hoàng Như	Hằng	Nữ	01/11/1996	v	v	0.00	
21	25.01.08.0691	Hà Thị	Hằng	Nữ	04/06/1991	6.50	7.00	13.50	
22	25.01.08.0692	Nguyễn Ngọc	Hiếu	Nam	19/05/1999	7.50	7.50	15.00	
23	25.01.08.0693	Lăng Thị Thu	Hoài	Nữ	28/08/1994	6.00	6.50	12.50	
24	25.01.08.0694	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/03/1995	8.50	8.00	16.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
25	25.01.08.0695	Lê Thị Hồng	Nữ	06/02/1991	v	v	0.00		
26	25.01.08.0696	Phan Lê Công Huy	Nam	10/06/1997	6.50	8.00	14.50		
27	25.01.08.0697	Nguyễn Huỳnh Bảo Huy	Nam	12/08/1992	5.00	5.50	10.50		
28	25.01.08.0698	Lò Thị Hương	Nữ	19/01/1996	10.00	8.00	18.00		
29	25.01.08.0699	Võ Ngọc Khánh	Nam	15/08/1997	7.50	5.00	12.50		
30	25.01.08.0700	Phan Thị Lan	Nữ	13/11/1995	8.50	8.00	16.50		
31	25.01.08.0701	Nguyễn Trưóc Lâm	Nữ	26/03/1996	6.00	5.50	11.50		
32	25.01.08.0702	Phạm Thị Liêm	Nữ	13/06/1992	8.00	8.00	16.00		
33	25.01.08.0703	Hồ Lê Ngọc Minh	Nữ	23/07/1987	v	v	0.00		
34	25.01.08.0704	Nông Tất Minh	Nam	16/06/1994	9.50	8.00	17.50		
35	25.01.08.0705	Đỗ Thị Thanh Nga	Nữ	21/11/1980	6.00	5.00	11.00		
36	25.01.08.0706	Huỳnh Thị Mỹ Ngân	Nữ	25/08/1996	v	v	0.00		
37	25.01.08.0707	Nguyễn Văn Nghĩ	Nam	07/10/1987	6.00	6.50	12.50		
38	25.01.08.0708	Trần Bảo Ngọc	Nam	22/06/1996	8.50	8.50	17.00		
39	25.01.08.0709	Nguyễn Phan Thanh Nhã	Nữ	19/11/1997	8.50	7.00	15.50		
40	25.01.08.0710	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	26/09/1999	8.00	7.50	15.50		
41	25.01.08.0711	Nguyễn Hoàng Thảo Như	Nữ	01/05/1999	6.00	6.50	12.50		
42	25.01.08.0712	Lê Kiều Ni	Nữ	01/12/1988	6.50	6.00	12.50		
43	25.01.08.0713	Nguyễn Xuân Ninh	Nam	20/07/1986	v	v	0.00		
44	25.01.08.0714	Lưu Thị Kiều Oanh	Nữ	19/09/1997	v	v	0.00	+1CS	
45	25.01.08.0715	Kiến Thị Hồng Phúc	Nữ	15/02/1996	7.50	6.50	14.00		
46	25.01.08.0716	Đào Thiện Phúc	Nam	13/04/1995	6.50	9.50	16.00		
47	25.01.08.0717	Nguyễn Thị Diễm Phương	Nữ	15/01/1996	v	v	0.00		
48	25.01.08.0718	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	19/05/1984	7.50	7.00	14.50		
49	25.01.08.0719	Châu Huệ Quyên	Nữ	27/08/1994	4.00	3.50	7.50		
50	25.01.08.0720	Lâm Phương Thảo	Nữ	28/02/1995	7.50	7.50	15.00		
51	25.01.08.0721	Trần Thị Huỳnh Thơ	Nữ	04/03/1995	6.00	7.50	13.50		
52	25.01.08.0722	Văn Thị Thúy	Nữ	14/09/1997	8.50	7.50	16.00		
53	25.01.08.0723	Nguyễn Hữu Thức	Nam	28/06/1997	6.00	10.00	16.00		
54	25.01.08.0724	Trương Thủy Tiên	Nữ	13/04/1983	6.00	8.50	14.50		
55	25.01.08.0725	Nguyễn Thị Hồng Trinh	Nữ	05/11/1994	8.00	8.00	16.00		
56	25.01.08.0726	Lại Minh Trí	Nam	07/12/1997	7.50	8.00	15.50		
57	25.01.08.0727	Đoàn Minh Tuấn	Nam	05/12/1996	v	v	0.00		
58	25.01.08.0728	Lê Trần Xuân Tùng	Nam	31/12/1996	6.50	6.50	13.00		
59	25.01.08.0729	Nguyễn Hoàng Tú	Nam	16/11/1996	7.50	7.50	15.00		
60	25.01.08.0730	Nguyễn Cát Tường	Nam	08/09/1997	8.00	10.00	18.00		
61	25.01.08.0731	Trịnh Ngọc Viên	Nữ	13/09/1995	8.00	7.50	15.50		
62	25.01.08.0732	Ngô Quốc Việt	Nam	18/06/1997	8.00	7.50	15.50		
63	25.01.08.0733	Hà Thế Vinh	Nam	02/12/1989	9.00	6.00	15.00		
64	25.01.08.0734	Trần Phan Thảo Vy	Nữ	12/11/1981	7.50	4.00	11.50		
65	25.01.08.0735	Đinh Quý Gia Yên	Nữ	05/09/1997	6.50	6.50	13.00		

TR
AI H
HÀM
AN

24

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
	NGÀNH: NHI KHOA (130)								
1	25.01.09.0736	Lương Phước	An	Nam	14/03/1999	9.50	9.50	19.00	
2	25.01.09.0737	Đình Việt	Anh	Nam	12/10/1997	7.50	8.00	15.50	
3	25.01.09.0738	Tôn Nữ Cẩm	Anh	Nữ	12/01/1994	9.00	9.50	18.50	
4	25.01.09.0739	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/02/1991	7.00	2.50	9.50	
5	25.01.09.0740	Nguyễn Nhật Bảo	Anh	Nữ	23/03/1995	9.00	7.50	16.50	
6	25.01.09.0741	Trần Thị	Ái	Nữ	24/01/1998	9.50	7.50	17.00	
7	25.01.09.0742	Võ Hoàng	Ẩn	Nam	22/06/1995	9.50	9.00	18.50	
8	25.01.09.0743	Nguyễn Xuân	Bách	Nam	28/05/1994	8.00	8.00	16.00	
9	25.01.09.0744	Trần Ngọc	Chân	Nữ	13/06/1996	9.00	8.50	17.50	
10	25.01.09.0745	Đặng Song Hoàng Bảo	Châu	Nữ	17/09/1998	9.50	9.50	19.00	
11	25.01.09.0746	Lê Ngọc Bảo	Châu	Nữ	10/08/1998	9.50	9.50	19.00	
12	25.01.09.0747	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	26/05/1996	v	v	0.00	
13	25.01.09.0748	Nguyễn Thị	Chín	Nữ	30/06/1992	v	v	0.00	
14	25.01.09.0749	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	30/12/1995	10.00	9.00	19.00	
15	25.01.09.0750	Nguyễn Kim	Duyên	Nữ	19/07/1994	9.50	8.00	17.50	
16	25.01.09.0751	Nguyễn Đình	Đan	Nữ	20/04/1995	10.00	8.00	18.00	
17	25.01.09.0752	Nguyễn Thị Tuyết	Đào	Nữ	11/02/1995	9.50	8.00	17.50	
18	25.01.09.0753	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	07/09/1997	v	v	0.00	
19	25.01.09.0754	Hoàng Minh	Đồng	Nam	06/04/1997	v	v	0.00	
20	25.01.09.0755	Nguyễn Minh	Đức	Nam	26/02/1998	9.50	8.00	17.50	
21	25.01.09.0756	Nguyễn Hoàng Cẩm	Giang	Nữ	30/06/1995	8.50	7.00	15.50	
22	25.01.09.0757	Trương Văn Trường	Giang	Nam	20/11/1997	9.00	9.50	18.50	
23	25.01.09.0758	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	Nữ	06/07/1996	9.00	7.00	16.00	
24	25.01.09.0759	Nguyễn Quang	Hà	Nam	28/02/1997	9.50	6.50	16.00	
25	25.01.09.0760	Nguyễn Ngọc Thanh	Hà	Nữ	06/10/1993	7.00	6.00	13.00	
26	25.01.09.0761	Phạm Hữu	Hách	Nam	26/01/1986	8.00	5.50	13.50	
27	25.01.09.0762	Ngôn Thị	Hạnh	Nữ	16/12/1997	9.00	9.00	18.00	
28	25.01.09.0763	Ngô Ngô Thủy	Hạnh	Nữ	04/07/1995	9.50	9.00	18.50	
29	25.01.09.0764	Nhan Phát Thục	Hiền	Nữ	12/09/1996	6.00	v	6.00	
30	25.01.09.0765	Phạm Trung	Hiếu	Nam	02/01/1997	9.50	8.50	18.00	
31	25.01.09.0766	Ngô Lê	Hiệp	Nam	14/12/1995	8.50	3.50	12.00	
32	25.01.09.0767	Nguyễn Thị Mỹ	Hiệp	Nữ	16/03/1997	8.00	8.00	16.00	
33	25.01.09.0768	Lê Văn	Hùng	Nam	21/03/1990	8.50	6.50	15.00	
34	25.01.09.0769	Đình Thị	Huệ	Nữ	05/02/1987	8.50	9.00	17.50	
35	25.01.09.0770	Huỳnh Công Phan	Huy	Nam	22/09/1995	8.00	7.00	15.00	
36	25.01.09.0771	Trần Anh	Huy	Nam	03/08/1997	9.00	7.50	16.50	
37	25.01.09.0772	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	21/05/1995	9.00	8.50	17.50	
38	25.01.09.0773	Trần Phan Thanh	Huyền	Nữ	24/04/1995	9.00	9.00	18.00	
39	25.01.09.0774	Phạm Thị Kim	Hưng	Nữ	12/07/1989	6.00	3.00	9.00	
40	25.01.09.0775	Lý Thanh	Hương	Nữ	15/06/1997	9.00	9.00	18.00	
41	25.01.09.0776	Lương Trọng	Khải	Nam	23/02/1998	9.50	7.50	17.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
42	25.01.09.0777	Trương Ái Khuê	Nữ	16/04/1997	9.00	9.00	18.00		
43	25.01.09.0778	Ngô Văn Lâm	Nam	07/03/1994	8.00	6.00	14.00		
44	25.01.09.0779	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	25/02/1994	8.50	7.50	16.00		
45	25.01.09.0780	Quách Công Linh	Nam	04/12/1998	7.50	5.00	12.50		
46	25.01.09.0781	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	19/07/1998	9.50	7.00	16.50		
47	25.01.09.0782	Trịnh Khánh Linh	Nữ	27/10/1996	9.00	6.50	15.50		
48	25.01.09.0783	Song Vĩnh Thùý	Nữ	02/07/1993	9.00	7.00	16.00	+1CS	
49	25.01.09.0784	Trương Khánh Linh	Nữ	21/08/1998	9.00	6.00	15.00		
50	25.01.09.0785	Phạm Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	27/09/1996	9.00	9.50	18.50		
51	25.01.09.0786	Trần Hữu Lộc	Nam	14/12/1996	8.50	9.00	17.50		
52	25.01.09.0787	Lê Hùng Lộc	Nam	05/10/1997	5.50	0.00	5.50		
53	25.01.09.0788	Nguyễn Thị Tú Minh	Nữ	10/07/1997	9.00	3.50	12.50		
54	25.01.09.0789	Trần Khai Minh	Nam	03/05/1996	v	v	0.00		
55	25.01.09.0790	Nguyễn Thành Nam	Nam	25/01/1996	7.00	5.00	12.00		
56	25.01.09.0791	Nguyễn Lê Phương Ngân	Nữ	11/02/1998	8.50	9.00	17.50		
57	25.01.09.0792	Lê Trọng Thuý Ngân	Nữ	12/04/1996	8.50	9.50	18.00		
58	25.01.09.0793	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	Nữ	15/01/1997	v	v	0.00		
59	25.01.09.0794	Lâm Văn Tín Nghĩa	Nam	06/02/1998	8.50	8.50	17.00		
60	25.01.09.0795	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	04/04/1997	7.00	v	7.00		
61	25.01.09.0796	Quách Trần Bảo Ngọc	Nữ	10/11/1999	8.50	9.50	18.00		
62	25.01.09.0797	Ngô Yến Ngọc	Nữ	16/09/1991	9.00	9.50	18.50		
63	25.01.09.0798	Nguyễn Thanh Nguyên	Nữ	11/03/1996	7.50	6.00	13.50		
64	25.01.09.0799	Trần Trọng Nguyễn	Nam	09/05/1999	8.50	9.50	18.00		
65	25.01.09.0800	Ksor H' Nhải	Nữ	25/09/1995	10.00	7.00	17.00	+1CS	
66	25.01.09.0801	Hà Nhân	Nam	24/09/1994	8.00	7.00	15.00		
67	25.01.09.0802	Lê Thị Bảo Nhi	Nữ	12/06/1995	9.50	7.00	16.50		
68	25.01.09.0803	Nguyễn Phạm Bảo Nhiên	Nữ	09/09/1994	9.00	7.00	16.00		
69	25.01.09.0804	Bơ Nah Ría Prong Nai	Nữ	07/7/1992	8.00	5.50	13.50	+1CS	
70	25.01.09.0805	Cao Thị Như	Nữ	05/10/1994	7.50	4.50	12.00		
71	25.01.09.0806	Đinh Thị Như	Nữ	08/05/1988	9.00	6.00	15.00		
72	25.01.09.0807	Nguyễn Huỳnh Ni	Nữ	19/07/1995	9.00	5.50	14.50		
73	25.01.09.0808	Thái Học Phong	Nam	18/07/1996	8.50	7.00	15.50		
74	25.01.09.0809	Lê Thanh Phong	Nam	24/06/1997	9.50	7.00	16.50		
75	25.01.09.0810	Nguyễn Hoàng Thiên Phú	Nữ	19/04/1997	8.50	7.00	15.50		
76	25.01.09.0811	Lê Thị Thanh Phương	Nữ	10/05/1994	9.50	9.00	18.50		
77	25.01.09.0812	Vũ Hà Phương	Nữ	25/07/1995	8.00	6.50	14.50		
78	25.01.09.0813	Phạm Hoài Phương	Nam	05/05/1997	9.00	9.50	18.50		
79	25.01.09.0814	Trần Mai Phương	Nữ	08/09/1999	10.00	9.00	19.00		
80	25.01.09.0815	Lương Gia Phương	Nữ	23/01/1996	8.50	8.50	17.00		
81	25.01.09.0816	Lê Nguyễn Minh Phương	Nữ	08/10/1995	9.00	8.50	17.50		
82	25.01.09.0817	Nguyễn Thảo Phương	Nữ	21/02/1994	9.50	8.50	18.00		
83	25.01.09.0818	Võ Thị Mai Phương	Nữ	23/12/1998	8.50	8.00	16.50		

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
84	25.01.09.0819	Phùng Thị Kim	Phường	Nữ	12/03/1998	v	v	0.00	
85	25.01.09.0820	Lê Thị	Phường	Nữ	08/08/1997	9.50	9.50	19.00	
86	25.01.09.0821	Lâm Thanh	Quốc	Nam	10/04/1996	9.50	7.50	17.00	
87	25.01.09.0822	Dương Nhật	Quỳnh	Nữ	13/01/1997	8.50	6.50	15.00	+1CS
88	25.01.09.0823	Nguyễn Tiến	Sinh	Nam	16/11/1994	v	v	0.00	
89	25.01.09.0824	Hoàng Minh	Sơn	Nam	15/02/1994	9.50	9.50	19.00	
90	25.01.09.0825	Mai Công	Tâm	Nam	21/11/1996	9.50	8.00	17.50	
91	25.01.09.0826	Võ Thành	Tân	Nam	11/09/1997	9.50	8.00	17.50	
92	25.01.09.0827	Lý Thọ	Tân	Nam	03/01/1996	v	v	0.00	
93	25.01.09.0828	Phan Khắc	Tân	Nam	23/01/1987	3.50	5.00	8.50	
94	25.01.09.0829	Quách Thị	Thanh	Nữ	03/09/1991	6.00	7.00	13.00	
95	25.01.09.0830	Lê Đình	Thanh	Nam	15/04/1995	9.00	9.50	18.50	
96	25.01.09.0831	Trần Văn	Thành	Nam	18/07/1995	9.00	9.50	18.50	
97	25.01.09.0832	Phạm Như Nguyễn	Thảo	Nữ	01/08/1995	9.00	8.00	17.00	
98	25.01.09.0833	Đinh Thị	Thảo	Nữ	20/09/1993	8.00	5.50	13.50	
99	25.01.09.0834	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	11/09/1999	9.50	9.00	18.50	
100	25.01.09.0835	Hồ Vũ Anh	Thị	Nữ	16/06/1999	9.00	8.50	17.50	
101	25.01.09.0836	Nguyễn Khánh	Thiện	Nữ	07/01/1997	9.50	8.00	17.50	
102	25.01.09.0837	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	20/08/1997	9.50	5.50	15.00	
103	25.01.09.0838	Võ Nhựt	Thường	Nam	20/03/1995	7.50	9.00	16.50	
104	25.01.09.0839	Trần Minh	Thy	Nữ	29/10/1996	8.50	9.50	18.00	
105	25.01.09.0840	Lê Lâm Anh	Thy	Nữ	12/12/1993	8.00	9.00	17.00	
106	25.01.09.0841	Châu Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	24/05/1997	8.00	8.00	16.00	
107	25.01.09.0842	Mai Lê	Trang	Nữ	19/03/1994	9.00	7.50	16.50	
108	25.01.09.0843	Hoàng Thị Kiều	Trang	Nữ	01/01/1998	9.50	8.50	18.00	
109	25.01.09.0844	Tạ Thị Thu	Trang	Nữ	08/08/1992	8.00	9.00	17.00	
110	25.01.09.0845	Nguyễn Trần Minh	Triết	Nam	08/01/1997	8.50	9.50	18.00	
111	25.01.09.0846	Đặng Thị Thanh	Triều	Nữ	17/10/1996	9.50	9.00	18.50	
112	25.01.09.0847	Lê Đình Minh	Triết	Nam	11/10/1985	8.00	7.00	15.00	
113	25.01.09.0848	Hà Thị Diễm	Trình	Nữ	07/07/1997	9.50	6.00	15.50	+1CS
114	25.01.09.0849	Nguyễn Duy Bảo	Trí	Nam	20/05/1996	8.00	2.00	10.00	
115	25.01.09.0850	Võ Thị Diễm	Trúc	Nữ	10/6/1994	v	v	0.00	
116	25.01.09.0851	Võ Anh	Tùng	Nam	24/01/1997	5.00	4.00	9.00	
117	25.01.09.0852	Võ Lê Thanh	Tuyền	Nữ	27/05/1997	6.00	3.00	9.00	
118	25.01.09.0853	Trần Thị Minh	Tuyền	Nữ	06/01/1992	8.50	8.50	17.00	
119	25.01.09.0854	Tạ Minh	Tùng	Nam	02/10/1998	8.50	9.50	18.00	
120	25.01.09.0855	Trần Kim	Tú	Nam	05/10/1995	6.00	6.00	12.00	
121	25.01.09.0856	Lê Thảo	Uyên	Nữ	26/09/1997	9.00	9.00	18.00	
122	25.01.09.0857	Nguyễn Thị Thùy	Vân	Nữ	30/06/1994	8.00	9.00	17.00	
123	25.01.09.0858	Lương Thị Cẩm	Vân	Nữ	19/10/1989	v	v	0.00	
124	25.01.09.0859	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	05/7/1996	8.50	7.00	15.50	
125	25.01.09.0860	Ngô Thanh	Vị	Nam	01/04/1989	7.00	6.50	13.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
126	25.01.09.0861	Ngô Thành	Vũ	Nam	28/08/1989	9.00	8.50	17.50	
127	25.01.09.0862	Nguyễn Quang	Vương	Nam	22/08/1996	6.00	3.00	9.00	
128	25.01.09.0863	Ngô Đăng Tường	Vy	Nữ	23/09/1996	9.00	7.50	16.50	
129	25.01.09.0864	Nông Anh	Vỹ	Nam	30/06/1997	9.00	9.50	18.50	
130	25.01.09.0865	Nguyễn Thị Hương	Xuân	Nữ	27/11/1995	8.50	9.00	17.50	
NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ (79)									
1	25.01.13.1188	Bùi Như	Anh	Nữ	15/01/1994	7.50	8.50	16.00	
2	25.01.13.1189	Phùng Hoàng Lan	Anh	Nữ	31/01/1999	6.50	7.50	14.00	
3	25.01.13.1190	Nguyễn Hồng Ngọc	Ảnh	Nữ	16/12/1994	6.00	8.00	14.00	
4	25.01.13.1191	Lê Văn	Án	Nam	19/07/1994	9.00	10.00	19.00	
5	25.01.13.1192	Ngô Gia	Bào	Nam	09/02/1997	7.00	8.00	15.00	
6	25.01.13.1193	Nguyễn Tấn	Diệu	Nam	01/05/1996	8.00	8.50	16.50	
7	25.01.13.1194	Nguyễn Hoàng Thùy	Dung	Nữ	10/07/1986	9.50	7.50	17.00	
8	25.01.13.1195	Nguyễn Duy	Duy	Nam	27/03/1998	7.00	8.00	15.00	
9	25.01.13.1196	Nguyễn Văn	Dư	Nam	20/08/1995	3.50	7.50	11.00	
10	25.01.13.1197	Nguyễn Hải	Dương	Nam	28/04/1993	7.00	8.50	15.50	
11	25.01.13.1198	Phan Tất	Đại	Nam	05/05/1995	10.00	10.00	20.00	
12	25.01.13.1199	Trần Tiến	Đạt	Nam	25/01/1994	v	v	0.00	
13	25.01.13.1200	Nguyễn Hữu	Đoàn	Nam	20/07/1989	6.00	7.00	13.00	
14	25.01.13.1201	Phạm Hồng	Hào	Nam	09/01/1995	v	v	0.00	
15	25.01.13.1202	Lê Thị Thủy	Hằng	Nữ	24/04/1997	8.00	7.00	15.00	
16	25.01.13.1203	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	13/07/1997	8.50	8.00	16.50	
17	25.01.13.1204	Nguyễn Phước	Hên	Nam	01/04/1991	5.50	7.00	12.50	
18	25.01.13.1205	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	02/10/1994	8.00	7.50	15.50	
19	25.01.13.1206	Hà Minh	Hiếu	Nam	01/10/1999	8.50	9.50	18.00	
20	25.01.13.1207	Trần Hiền	Hoàng	Nam	25/05/1990	8.50	10.00	18.50	
21	25.01.13.1208	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	05/08/1999	7.00	6.50	13.50	
22	25.01.13.1209	Hà Quang	Huy	Nam	17/10/1994	6.50	9.00	15.50	
23	25.01.13.1210	Nguyễn Phước Bảo	Huy	Nam	25/11/1995	5.50	7.50	13.00	
24	25.01.13.1211	Vũ Quang	Huy	Nam	10/10/1998	v	v	0.00	
25	25.01.13.1212	Tổng Xuân	Huy	Nam	05/09/1998	7.00	10.00	17.00	
26	25.01.13.1213	Hoàng Trần Lan	Huyền	Nữ	15/09/1996	6.00	6.00	12.00	
27	25.01.13.1214	Nguyễn Phúc	Khánh	Nữ	14/03/1996	6.50	10.00	16.50	
28	25.01.13.1215	Trần Đình	Khoa	Nam	29/09/1994	8.00	9.00	17.00	
29	25.01.13.1216	Nguyễn Vĩnh	Lê	Nam	02/03/1996	v	v	0.00	
30	25.01.13.1217	Nguyễn Thành Thanh	Liêm	Nam	08/07/1998	7.00	8.50	15.50	
31	25.01.13.1218	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	10/11/1996	6.50	8.50	15.00	
32	25.01.13.1219	Huỳnh	Luân	Nam	11/11/1988	7.00	8.00	15.00	
33	25.01.13.1220	Đình Thái	Luận	Nam	21/09/1995	8.50	7.50	16.00	
34	25.01.13.1221	Trần Gia	Luật	Nam	09/08/1997	8.50	10.00	18.50	
35	25.01.13.1222	Nguyễn Thành	Lượng	Nam	22/06/1995	7.00	9.50	16.50	
36	25.01.13.1223	Dương Xuân	Lực	Nam	18/01/1995	8.50	9.00	17.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
37	25.01.13.1224	Đình Thế	Mạnh	Nam	25/11/1996	9.50	9.50	19.00	
38	25.01.13.1225	Nguyễn Phương	Nam	Nam	05/11/1997	v	v	0.00	
39	25.01.13.1226	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	15/01/1995	8.00	7.50	15.50	
40	25.01.13.1227	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	26/12/1996	v	v	0.00	
41	25.01.13.1228	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	19/06/1998	8.50	8.50	17.00	
42	25.01.13.1229	Phạm Bảo	Nguyên	Nam	24/04/1998	8.50	9.00	17.50	
43	25.01.13.1230	Trần Phương Uyên	Nhi	Nữ	09/01/1998	6.00	8.00	14.00	
44	25.01.13.1231	Nguyễn Đỗ An	Nhiên	Nữ	14/06/1994	v	v	0.00	
45	25.01.13.1232	Trần Nam	Phú	Nam	02/09/1998	6.50	7.50	14.00	
46	25.01.13.1233	Trần Lương Vinh	Phúc	Nam	27/09/1996	7.00	8.00	15.00	
47	25.01.13.1234	Tạ Hồng	Phúc	Nam	26/02/1989	8.00	7.50	15.50	
48	25.01.13.1235	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/11/1995	7.50	8.00	15.50	
49	25.01.13.1236	Trần Hữu	Phước	Nam	10/08/1997	7.50	7.50	15.00	
50	25.01.13.1237	Vũ Mạnh	Quân	Nam	04/09/1997	6.50	9.00	15.50	
51	25.01.13.1238	Nguyễn Việt	Quân	Nam	19/03/1996	7.50	8.50	16.00	
52	25.01.13.1239	Đỗ	Quyên	Nữ	23/11/1997	8.50	9.00	17.50	
53	25.01.13.1240	Võ Hoàng	San	Nam	15/04/1997	8.00	8.50	16.50	
54	25.01.13.1241	Đặng Ngọc Thanh	Tâm	Nữ	12/04/1991	5.00	6.00	11.00	
55	25.01.13.1242	Kapa Ngô Linh	Thành	Nam	08/11/1997	9.50	7.50	17.00	
56	25.01.13.1243	Kim Nhật	Thành	Nam	27/06/1995	7.50	8.00	15.50	
57	25.01.13.1244	Lê Thu	Thảo	Nữ	22/10/1997	9.00	8.50	17.50	
58	25.01.13.1245	Lê Hồng	Thái	Nam	15/07/1995	v	v	0.00	
59	25.01.13.1246	Trần Bảo Quốc	Thắng	Nam	05/03/1996	8.50	8.50	17.00	
60	25.01.13.1247	Bùi Xuân	Thiên	Nam	10/12/1997	8.50	7.50	16.00	
61	25.01.13.1248	Triệu Quang	Thịnh	Nam	29/06/1995	7.50	9.50	17.00	
62	25.01.13.1249	Võ Tấn	Thông	Nam	08/01/1997	v	v	0.00	
63	25.01.13.1250	Lê Hoàng	Thơ	Nữ	04/06/1997	6.50	7.00	13.50	
64	25.01.13.1251	Trần Huỳnh Anh	Thư	Nữ	08/12/1996	7.00	7.50	14.50	
65	25.01.13.1252	Đỗ Thị Hoài	Thương	Nữ	16/10/1994	8.50	8.50	17.00	
66	25.01.13.1253	Huỳnh Khánh	Tiên	Nam	20/08/1992	9.50	6.50	16.00	
67	25.01.13.1254	Hồ Lê Thùy	Tiên	Nữ	19/05/1997	5.50	8.00	13.50	
68	25.01.13.1255	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	14/10/1997	7.50	8.50	16.00	
69	25.01.13.1256	Hồ Ngọc	Trình	Nữ	01/03/1994	6.50	8.50	15.00	
70	25.01.13.1257	Vũ Đức	Trọng	Nam	18/05/1995	9.50	8.00	17.50	
71	25.01.13.1258	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	16/12/1997	9.00	10.00	19.00	
72	25.01.13.1259	Đình Thế	Trung	Nam	24/07/1997	7.00	8.50	15.50	
73	25.01.13.1260	Trần Thanh	Tú	Nữ	21/11/1992	5.50	8.00	13.50	
74	25.01.13.1261	Nguyễn Minh	Uyên	Nữ	31/10/1996	8.00	9.00	17.00	
75	25.01.13.1262	Hà Duy	Việt	Nam	28/01/1997	v	v	0.00	
76	25.01.13.1263	Tăng Quang	Vinh	Nam	20/01/1996	8.50	8.50	17.00	
77	25.01.13.1264	Hồ Nguyễn Hiền	Vinh	Nam	31/01/1979	v	v	0.00	
78	25.01.13.1265	Nguyễn Đức	Vượng	Nam	21/07/1996	7.50	10.00	17.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
79	25.01.13.1266	Trần Thị Như Ý		Nữ	27/03/1998	9.00	8.50	17.50	
	NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT (10)								
1	25.01.32.1708	Nguyễn Đức Bảo	Chính	Nam	18/12/1993	7.00	7.50	14.50	
2	25.01.32.1709	Nguyễn Huỳnh	Dũng	Nam	21/03/1983	6.00	5.00	11.00	
3	25.01.32.1710	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	13/07/1993	6.50	6.50	13.00	
4	25.01.32.1711	Phạm Đình	Hưng	Nam	24/08/1989	6.50	7.50	14.00	
5	25.01.32.1712	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	13/09/1994	6.00	7.00	13.00	
6	25.01.32.1713	Phan Minh	Quang	Nam	08/02/1994	5.50	5.50	11.00	
7	25.01.32.1714	Trần Thị Hồng	Thanh	Nữ	26/12/1980	5.50	6.50	12.00	
8	25.01.32.1715	Nguyễn Ngọc Anh	Thị	Nữ	06/02/1992	7.00	7.00	14.00	
9	25.01.32.1716	Nguyễn Thị Lệ	Thùy	Nữ	26/10/1984	5.00	4.00	9.00	
10	25.01.32.1717	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	30/04/1993	8.00	8.00	16.00	
	NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA (196)								
1	25.01.15.1267	Nguyễn Hồ Thuý	An	Nữ	20/08/1997	8.00	6.50	14.50	
2	25.01.15.1268	Nguyễn Chí	Anh	Nam	19/03/1992	4.00	3.50	7.50	
3	25.01.15.1269	Trương Thị Lan	Anh	Nữ	29/01/1994	4.00	5.50	9.50	
4	25.01.15.1270	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/03/1997	8.50	8.00	16.50	
5	25.01.15.1271	Nguyễn Thị Thu	Ba	Nữ	10/02/1989	7.50	6.50	14.00	
6	25.01.15.1272	Nguyễn Văn	Bản	Nam	20/10/1982	4.00	6.00	10.00	
7	25.01.15.1273	Lê Hà	Bách	Nam	16/08/1997	7.50	7.50	15.00	
8	25.01.15.1274	Đỗ Thị Thanh	Bình	Nữ	18/12/1999	8.00	7.50	15.50	
9	25.01.15.1275	Nguyễn Lưu	Bình	Nữ	22/02/1999	9.50	7.00	16.50	
10	25.01.15.1276	Lê Bích	Chân	Nữ	28/12/1993	5.50	6.50	12.00	
11	25.01.15.1277	Đỗ Minh	Châu	Nữ	25/07/1997	7.00	7.00	14.00	
12	25.01.15.1278	Nguyễn Thị Bích	Chi	Nữ	11/12/1985	7.50	7.50	15.00	
13	25.01.15.1279	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	Nữ	10/08/1999	8.00	6.50	14.50	
14	25.01.15.1280	Đoàn Thị Hồng	Chiêm	Nữ	27/05/1999	8.50	9.50	18.00	
15	25.01.15.1281	Trần Thị	Chinh	Nữ	07/10/1992	7.00	6.50	13.50	
16	25.01.15.1282	Kim Thị	Chúc	Nữ	01/01/1997	9.00	8.00	17.00	+1CS
17	25.01.15.1283	Hoàng Thị Hoài	Dung	Nữ	08/09/1993	v	v	0.00	+1CS
18	25.01.15.1284	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	10/10/1991	5.00	6.00	11.00	
19	25.01.15.1285	Đoàn Thị Mỹ	Dung	Nữ	08/03/1991	10.00	6.00	16.00	+1CS
20	25.01.15.1286	Huỳnh Hoàng	Dung	Nữ	02/01/1998	6.50	5.50	12.00	
21	25.01.15.1287	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	26/04/1994	7.00	7.00	14.00	
22	25.01.15.1288	Phạm Thị Thuý	Dương	Nữ	21/01/1997	8.50	8.00	16.50	
23	25.01.15.1289	Trần Kim	Dương	Nam	05/06/1988	7.00	6.50	13.50	
24	25.01.15.1290	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	06/12/1997	8.00	6.00	14.00	
25	25.01.15.1291	Trịnh Thị	Dương	Nữ	22/07/1994	6.50	8.00	14.50	
26	25.01.15.1292	Nguyễn Tuấn	Dương	Nam	08/11/1999	9.00	8.00	17.00	
27	25.01.15.1293	Lê Thân Tấn	Đạt	Nam	05/03/1995	0.00	0.00	0.00	
28	25.01.15.1294	Đặng Xuân	Đạt	Nam	01/12/1998	5.50	6.00	11.50	
29	25.01.15.1295	Y	Đẹp	Nữ	10/01/1997	7.00	6.50	13.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
30	25.01.15.1296	Lê Thị Hiếu	Đoan	Nữ	19/12/1995	v	v	0.00	
31	25.01.15.1297	Phan Thị Hồng	Gấm	Nữ	25/02/1994	8.50	7.50	16.00	
32	25.01.15.1298	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	08/10/1989	3.50	4.00	7.50	
33	25.01.15.1299	Vũ Hà	Giang	Nữ	21/05/1999	8.00	8.00	16.00	
34	25.01.15.1300	Phan Trường	Giang	Nam	15/02/1997	5.50	5.00	10.50	
35	25.01.15.1301	Son Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	03/06/1995	8.50	7.00	15.50	+1CS
36	25.01.15.1302	Đào Thanh	Hà	Nữ	10/04/1985	5.50	7.50	13.00	
37	25.01.15.1303	Hồ Đức	Hà	Nam	20/06/1993	6.50	6.50	13.00	
38	25.01.15.1304	Võ Thu	Hà	Nữ	10/01/1999	6.00	6.50	12.50	
39	25.01.15.1305	Đặng Thị Ngọc	Hà	Nữ	28/04/1983	6.00	6.50	12.50	
40	25.01.15.1306	Ôn Thị Mỹ	Hào	Nữ	04/09/1997	7.00	7.00	14.00	
41	25.01.15.1307	Nguyễn Tự Kỳ	Hào	Nữ	15/04/1994	8.00	7.50	15.50	
42	25.01.15.1308	Hồ Nhật	Hạ	Nữ	04/02/1996	8.00	7.50	15.50	
43	25.01.15.1309	Tô Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	10/07/1992	v	v	0.00	
44	25.01.15.1310	Võ Phạm Hồng	Hạnh	Nữ	30/07/1989	5.00	5.50	10.50	
45	25.01.15.1311	Lộc Thị Hồng	Hạnh	Nữ	23/03/1995	8.00	8.00	16.00	
46	25.01.15.1312	Hứa Thị	Hằng	Nữ	12/08/1993	5.00	5.50	10.50	
47	25.01.15.1313	Nguyễn Thủy	Hằng	Nữ	14/07/1990	6.50	6.50	13.00	
48	25.01.15.1314	Quách Thị	Hân	Nữ	27/03/1998	8.00	7.50	15.50	
49	25.01.15.1315	Lê Thị	Hiền	Nữ	10/11/1990	8.50	7.00	15.50	+1CS
50	25.01.15.1316	Võ Phạm Duy	Hiền	Nam	01/01/1996	7.00	8.00	15.00	
51	25.01.15.1317	Quách Phụng	Hiếu	Nữ	20/04/1997	4.00	6.00	10.00	
52	25.01.15.1318	Lê Đặng Thanh	Hiếu	Nữ	09/12/1996	v	v	0.00	+1CS
53	25.01.15.1319	Ban Thị Hồng	Hoa	Nữ	24/03/1985	v	v	0.00	+1CS
54	25.01.15.1320	Trần Thị Khánh	Hoà	Nữ	29/10/1997	9.50	7.00	16.50	
55	25.01.15.1321	Lê Long	Hồ	Nam	24/11/1991	v	v	0.00	
56	25.01.15.1322	Đào Quốc	Huy	Nam	16/09/1996	8.00	8.00	16.00	
57	25.01.15.1323	Thái Thị	Huyền	Nữ	21/07/1998	8.50	8.00	16.50	
58	25.01.15.1324	Bùi Thị Ngọc	Huyền	Nữ	28/09/1997	7.50	8.00	15.50	
59	25.01.15.1325	Trần Diễm	Hương	Nữ	05/11/1995	7.50	6.50	14.00	
60	25.01.15.1326	Triệu Thị	Hương	Nữ	08/03/1991	6.50	6.00	12.50	
61	25.01.15.1327	Nguyễn Ngân Hoàn	Hương	Nữ	18/05/1998	5.50	4.00	9.50	
62	25.01.15.1328	Tiểu Hoàng	Khải	Nam	20/01/1998	8.00	7.00	15.00	
63	25.01.15.1329	Lê Tuấn Quốc	Khánh	Nam	02/09/1993	5.50	7.50	13.00	
64	25.01.15.1330	Hồ Minh	Khoa	Nam	16/10/1997	7.00	7.50	14.50	
65	25.01.15.1331	Nguyễn Minh	Khuê	Nữ	23/09/1992	7.00	7.00	14.00	
66	25.01.15.1332	Lưu Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	17/10/1996	9.50	7.50	17.00	
67	25.01.15.1333	Nguyễn Trọng Hoài	Lam	Nữ	28/10/1997	9.50	6.50	16.00	
68	25.01.15.1334	Nguyễn Duy	Lâm	Nam	14/09/1994	8.00	7.00	15.00	
69	25.01.15.1335	Huỳnh Duy	Lâm	Nam	30/05/1997	8.00	8.00	16.00	
70	25.01.15.1336	Lê Thị Hoàng	Lel	Nữ	24/01/1995	5.00	6.00	11.00	
71	25.01.15.1337	Trần Dương Yến	Linh	Nữ	28/11/1997	10.00	7.00	17.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
72	25.01.15.1338	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	13/12/1998	7.50	7.00	14.50	
73	25.01.15.1339	Nguyễn Giao	Linh	Nam	13/01/1993	4.00	6.50	10.50	
74	25.01.15.1340	Nguyễn Đào Lê Nhật	Linh	Nữ	11/11/1997	6.00	6.50	12.50	
75	25.01.15.1341	Thái Thùy	Linh	Nữ	10/10/1997	6.50	7.00	13.50	
76	25.01.15.1342	Hoàng Trần Ái	Linh	Nữ	04/08/1999	7.50	7.50	15.00	
77	25.01.15.1343	Hoàng Thị	Linh	Nữ	29/09/1995	7.00	5.50	12.50	+1CS
78	25.01.15.1344	Lâm Khánh	Linh	Nữ	06/07/1993	8.00	5.00	13.00	
79	25.01.15.1345	Bùi Diệu	Linh	Nữ	29/01/1998	6.50	6.50	13.00	
80	25.01.15.1346	Nguyễn Hữu	Lịch	Nam	12/06/1997	8.50	7.50	16.00	
81	25.01.15.1347	Lê Nguyễn Khánh	Loan	Nữ	12/08/1975	9.50	6.50	16.00	
82	25.01.15.1348	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	06/06/1996	7.50	6.50	14.00	
83	25.01.15.1349	Nguyễn Ngọc Phương	Loan	Nữ	02/09/1997	6.00	5.50	11.50	
84	25.01.15.1350	Phạm Minh	Luân	Nam	20/04/1990	7.50	7.00	14.50	
85	25.01.15.1351	Võ Thành	Luân	Nam	15/01/1996	8.00	7.50	15.50	
86	25.01.15.1352	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	31/07/1999	6.00	7.50	13.50	
87	25.01.15.1353	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	26/09/1997	5.50	6.00	11.50	
88	25.01.15.1354	Đinh Thị	Mai	Nữ	02/09/1987	v	v	0.00	
89	25.01.15.1355	Trần Thị	Mến	Nữ	29/12/1997	v	v	0.00	
90	25.01.15.1356	Trần Vũ Uyên	Minh	Nữ	14/09/1996	5.00	5.50	10.50	
91	25.01.15.1357	Nguyễn Trần Thảo	My	Nữ	07/04/1996	8.50	7.50	16.00	
92	25.01.15.1358	Trang Hoàng	My	Nữ	08/11/1997	7.50	7.50	15.00	
93	25.01.15.1359	Phạm Mai Hoàn	Mỹ	Nữ	28/09/1995	8.00	7.00	15.00	
94	25.01.15.1360	Phan Thị Hoài	Nam	Nữ	01/08/1994	4.00	5.00	9.00	
95	25.01.15.1361	Cao Văn	Năm	Nam	04/07/1991	v	v	0.00	
96	25.01.15.1362	Huỳnh Thị	Nga	Nữ	07/10/1997	v	v	0.00	
97	25.01.15.1363	Đào Thị Thúy	Nga	Nữ	21/09/1997	6.00	7.50	13.50	
98	25.01.15.1364	Trần Thuý Kim	Ngân	Nữ	06/09/1998	6.50	5.50	12.00	
99	25.01.15.1365	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	Nữ	20/11/1991	v	v	0.00	
100	25.01.15.1366	Trương Thị Kim	Ngân	Nữ	26/04/1997	8.00	7.00	15.00	
101	25.01.15.1367	Nguyễn Ngọc Thu	Ngân	Nữ	28/11/1990	9.50	6.50	16.00	
102	25.01.15.1368	Lương Thúy	Ngọc	Nữ	03/01/1998	7.50	9.50	17.00	
103	25.01.15.1369	Trần Ánh	Ngọc	Nữ	10/09/1995	5.50	7.00	12.50	
104	25.01.15.1370	Bạch Đức Quang	Nguyên	Nam	18/07/1996	8.00	7.50	15.50	
105	25.01.15.1371	Lê Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	22/10/1996	6.50	7.00	13.50	
106	25.01.15.1372	Nguyễn Đình	Nguyên	Nam	06/09/1994	5.50	5.50	11.00	
107	25.01.15.1373	Lê Nguyễn Khôi	Nguyên	Nam	04/06/1993	v	v	0.00	+1CS
108	25.01.15.1374	Lý Thị	Nguyệt	Nữ	29/06/1994	8.00	8.00	16.00	+1CS
109	25.01.15.1375	Nguyễn Hoàng Hữu	Nhã	Nam	06/11/1998	8.00	8.00	16.00	
110	25.01.15.1376	Nguyễn Thái	Nhân	Nam	08/02/1996	8.00	6.50	14.50	
111	25.01.15.1377	Ngô Thị Tuyết	Nhi	Nữ	21/05/1998	7.00	7.00	14.00	
112	25.01.15.1378	Niê H'	Nhi	Nữ	05/06/1995	v	v	0.00	
113	25.01.15.1379	Nguyễn Trần Hồng	Nhung	Nữ	07/03/1997	8.50	7.00	15.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
114	25.01.15.1380	Phan Phạm Huỳnh	Như	Nữ	09/05/1995	v	v	0.00	
115	25.01.15.1381	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	28/02/1991	5.50	7.00	12.50	
116	25.01.15.1382	Lương Văn	Nội	Nam	17/12/1996	9.00	7.00	16.00	+1CS
117	25.01.15.1383	Huỳnh Thị Kim	Oanh	Nữ	04/02/1991	6.50	7.00	13.50	
118	25.01.15.1384	Nguyễn	Ôxi	Nam	20/11/1996	7.50	7.00	14.50	
119	25.01.15.1385	Nguyễn Thanh Huy	Phát	Nam	11/12/1998	v	v	0.00	
120	25.01.15.1386	Nguyễn Long Đan	Phụng	Nữ	15/12/1997	v	v	0.00	
121	25.01.15.1387	Đình Nguyên	Phương	Nam	26/08/1997	9.00	7.00	16.00	
122	25.01.15.1388	Nguyễn Thị Lập	Phương	Nữ	26/10/1997	5.50	6.00	11.50	
123	25.01.15.1389	Liễu Thị	Phương	Nữ	23/08/1998	8.50	8.00	16.50	
124	25.01.15.1390	Phạm Dũ	Phương	Nam	16/11/1992	v	v	0.00	
125	25.01.15.1391	Lê Kỳ	Phương	Nữ	19/12/1996	7.50	7.50	15.00	
126	25.01.15.1392	Nguyễn Thị Mai	Phượng	Nữ	02/08/1996	8.00	6.50	14.50	
127	25.01.15.1393	Phạm Thị Hồng	Phượng	Nữ	01/04/1999	7.00	6.50	13.50	
128	25.01.15.1394	Phạm Mỹ	Phượng	Nữ	06/02/1986	v	v	0.00	
129	25.01.15.1395	Đỗ Thị	Quý	Nữ	02/01/1998	8.00	7.00	15.00	
130	25.01.15.1396	Trương Đình	Sách	Nam	22/07/1994	6.50	6.00	12.50	
131	25.01.15.1397	Trần Thị Mai	Sương	Nữ	18/01/1985	v	v	0.00	
132	25.01.15.1398	Bùi Thị Thủy	Sương	Nữ	29/04/1995	8.50	6.50	15.00	
133	25.01.15.1399	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	10/03/1991	8.50	6.50	15.00	
134	25.01.15.1400	Trần Thiện	Tân	Nam	24/06/1998	8.50	8.00	16.50	
135	25.01.15.1401	Lê	Thành	Nam	26/08/1995	7.00	7.50	14.50	
136	25.01.15.1402	Đặng Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	08/11/1994	v	v	0.00	
137	25.01.15.1403	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	14/02/1997	6.50	5.50	12.00	
138	25.01.15.1404	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	04/11/1998	7.50	6.00	13.50	
139	25.01.15.1405	Trần Thị	Thảo	Nữ	02/02/1998	5.00	4.00	9.00	
140	25.01.15.1406	Đỗ Thị Thu	Thảo	Nữ	01/07/1996	7.50	7.50	15.00	
141	25.01.15.1407	Ma Thế	Thắng	Nam	23/02/1992	v	v	0.00	
142	25.01.15.1408	Phan Minh	Thiện	Nam	16/11/1993	7.00	6.00	13.00	
143	25.01.15.1409	Thạch Văn	Thiệu	Nam	07/08/1995	8.00	7.00	15.00	+1CS
144	25.01.15.1410	Đào Thị Kim	Thoa	Nữ	13/03/1990	4.00	4.00	8.00	
145	25.01.15.1411	Lương Thị Thanh	Thủy	Nữ	14/06/1999	8.50	10.00	18.50	
146	25.01.15.1412	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	01/02/1983	6.50	7.00	13.50	
147	25.01.15.1413	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	16/09/1986	4.00	3.50	7.50	
148	25.01.15.1414	Lương Thị	Thúy	Nữ	29/10/1995	7.00	5.50	12.50	
149	25.01.15.1415	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	24/05/1986	7.50	8.50	16.00	
150	25.01.15.1416	Quách Mỹ	Thương	Nữ	19/01/1994	9.50	7.00	16.50	
151	25.01.15.1417	Bùi Văn	Thức	Nam	03/01/1992	6.00	6.50	12.50	
152	25.01.15.1418	Trần Nguyễn Thuý	Tiên	Nữ	22/10/1997	5.00	5.50	10.50	
153	25.01.15.1419	Trần Thị Cẩm	Tiên	Nữ	05/12/1995	6.00	7.50	13.50	
154	25.01.15.1420	Phạm Thị Thùy	Tiên	Nữ	10/06/1993	v	v	0.00	
155	25.01.15.1421	Nguyễn Khắc	Toàn	Nam	31/01/1994	7.50	6.50	14.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
156	25.01.15.1422	Nguyễn Ngọc Đoan	Trang	Nữ	14/05/1997	v	v	0.00	
157	25.01.15.1423	Nguyễn Huỳnh Đoan	Trang	Nữ	04/09/1990	6.00	6.00	12.00	
158	25.01.15.1424	Nguyễn Thị Xuân	Trang	Nữ	12/05/1995	v	v	0.00	
159	25.01.15.1425	Lê Thị Thuý	Trang	Nữ	31/07/1997	4.00	4.00	8.00	
160	25.01.15.1426	Trần Thị	Trang	Nữ	02/09/1997	7.50	8.50	16.00	
161	25.01.15.1427	Hà Huyền	Trang	Nữ	15/10/1996	5.50	6.50	12.00	
162	25.01.15.1428	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	23/6/1996	6.50	5.50	12.00	
163	25.01.15.1429	Đoàn Nguyễn Mai	Trang	Nữ	11/09/1995	5.50	6.50	12.00	
164	25.01.15.1430	Khâm Thị Thu	Trâm	Nữ	29/06/1994	v	v	0.00	+1CS
165	25.01.15.1431	Quách Phùng Mai	Trâm	Nữ	07/03/1996	5.50	7.00	12.50	
166	25.01.15.1432	Phan Thị Huyền	Trân	Nữ	15/06/1998	8.50	7.50	16.00	
167	25.01.15.1433	Dương Bùi Phương	Trình	Nữ	23/12/1997	v	v	0.00	
168	25.01.15.1434	Huỳnh Văn	Trí	Nam	13/10/1999	7.50	5.00	12.50	
169	25.01.15.1435	Trần Minh Cảnh	Trung	Nam	21/04/1997	7.00	6.00	13.00	
170	25.01.15.1436	Nguyễn Đăng	Trưởng	Nam	26/01/1997	7.50	6.50	14.00	
171	25.01.15.1437	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	16/12/1994	6.50	6.50	13.00	
172	25.01.15.1438	Triệu Thị Thanh	Tuyền	Nữ	18/11/1987	5.50	7.50	13.00	
173	25.01.15.1439	Hồ Thị Cẩm	Tuyền	Nữ	28/09/1997	7.00	7.50	14.50	
174	25.01.15.1440	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	30/07/1997	9.00	8.00	17.00	
175	25.01.15.1441	Vũ Ánh	Tuyết	Nữ	01/08/1994	v	v	0.00	
176	25.01.15.1442	Lưu Như	Tú	Nam	24/07/1995	8.50	8.00	16.50	
177	25.01.15.1443	Dương Minh	Tú	Nam	21/01/1993	v	v	0.00	
178	25.01.15.1444	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	04/04/1998	v	v	0.00	
179	25.01.15.1445	Lương Long	Tường	Nam	16/09/1997	7.50	8.00	15.50	
180	25.01.15.1446	Nguyễn Trịnh Tú	Uyên	Nữ	16/08/1997	6.00	7.50	13.50	
181	25.01.15.1447	Trần Nhật	Uyên	Nữ	28/02/1998	5.50	6.50	12.00	
182	25.01.15.1448	Nguyễn Ngọc Nhi	Uyên	Nữ	07/09/1998	8.50	7.50	16.00	
183	25.01.15.1449	Trần Thị Hà	Uyên	Nữ	15/01/1990	8.00	6.00	14.00	
184	25.01.15.1450	Phạm Trà Phương	Uyên	Nữ	04/02/1992	7.50	5.00	12.50	
185	25.01.15.1451	Huỳnh Thị Thảo	Uyên	Nữ	12/05/1996	8.50	7.50	16.00	
186	25.01.15.1452	Nguyễn Huyền Thanh	Vân	Nữ	09/11/1997	7.00	8.00	15.00	
187	25.01.15.1453	Bùi Thị Bích	Vân	Nữ	07/03/1997	7.00	6.50	13.50	+1CS
188	25.01.15.1454	Nguyễn Thị Ái	Vi	Nữ	26/08/1998	8.00	8.00	16.00	
189	25.01.15.1455	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	02/05/1994	7.00	7.00	14.00	
190	25.01.15.1456	Trần Nguyễn Hiền	Vy	Nữ	12/09/1995	7.50	7.00	14.50	
191	25.01.15.1457	Phạm Ngọc Thảo	Vy	Nữ	14/10/1997	6.00	6.50	12.50	
192	25.01.15.1458	Lê Thị	Xuân	Nữ	28/02/1991	5.50	6.50	12.00	
193	25.01.15.1459	Huỳnh Mỹ	Xuân	Nữ	12/09/1996	v	v	0.00	
194	25.01.15.1460	Bùi Thị Hà	Xuyên	Nữ	27/08/1992	v	v	0.00	+1CS
195	25.01.15.1461	Phạm Thị Kim	Yến	Nữ	27/11/1996	6.50	6.00	12.50	
196	25.01.15.1462	Lê Thị Kim	Yến	Nữ	28/07/1995	v	v	0.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
	NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG (46)								
1	25.01.16.1463	Nguyễn Công	Chính	Nam	18/07/1987	v	v	0.00	
2	25.01.16.1464	Nguyễn Đức	Công	Nam	23/10/1991	5.50	5.50	11.00	
3	25.01.16.1465	Trương Chí	Cường	Nam	15/10/1999	5.50	8.50	14.00	
4	25.01.16.1466	Lê Mạnh	Cường	Nam	18/07/1993	9.50	7.50	17.00	
5	25.01.16.1467	Bùi Ngọc	Du	Nam	05/05/1996	8.50	8.50	17.00	
6	25.01.16.1468	Nguyễn Văn	Dự	Nam	02/11/1990	6.00	6.50	12.50	
7	25.01.16.1469	Hồ Thị	Đức	Nữ	15/01/1993	6.00	6.00	12.00	
8	25.01.16.1470	Trần Thị	Hà	Nữ	27/03/1986	6.00	8.50	14.50	
9	25.01.16.1471	Trần Thị Mỹ	Hào	Nữ	04/01/1998	7.50	7.00	14.50	
10	25.01.16.1472	Trịnh Thị Bích	Hằng	Nữ	05/10/1998	v	v	0.00	
11	25.01.16.1473	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	26/01/1998	7.50	8.00	15.50	
12	25.01.16.1474	Lê Văn	Hiệp	Nam	25/05/1996	6.50	9.00	15.50	
13	25.01.16.1475	Võ Minh	Hoàng	Nam	03/10/1997	8.00	8.00	16.00	
14	25.01.16.1476	Nguyễn Tấn	Hung	Nam	14/11/1997	8.50	9.50	18.00	
15	25.01.16.1477	Phạm Thanh	Khánh	Nam	09/07/1986	3.00	5.00	8.00	
16	25.01.16.1478	Trương Ngọc	Khoa	Nam	06/06/1995	7.00	7.00	14.00	
17	25.01.16.1479	Bùi Trung	Kiên	Nam	01/07/1993	5.00	7.00	12.00	
18	25.01.16.1480	Trương Vinh	Kiệt	Nam	04/05/1997	8.00	9.00	17.00	
19	25.01.16.1481	Chu Nguyễn	Lâm	Nam	18/03/1996	7.50	9.50	17.00	
20	25.01.16.1482	Lý Thanh	Lệ	Nam	26/08/1994	8.00	8.50	16.50	+1CS
21	25.01.16.1483	Nguyễn Phi	Long	Nam	20/10/1994	5.50	7.00	12.50	
22	25.01.16.1484	Nguyễn Phi	Long	Nam	05/05/1999	8.00	9.50	17.50	
23	25.01.16.1485	Lê Ngọc Quế	Mai	Nữ	29/09/1998	6.00	5.00	11.00	
24	25.01.16.1486	Nguyễn Minh	Nhân	Nam	02/12/1986	4.00	5.50	9.50	
25	25.01.16.1487	Vũ Hồng	Nhung	Nữ	21/10/1998	9.00	9.50	18.50	
26	25.01.16.1488	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	20/02/1998	8.50	9.00	17.50	
27	25.01.16.1489	Huỳnh Toàn	Phát	Nam	13/06/1995	5.00	5.00	10.00	
28	25.01.16.1490	Kiều Lê	Phong	Nam	10/05/1993	7.00	7.00	14.00	
29	25.01.16.1491	Nguyễn Vũ	Quang	Nam	17/09/1998	10.00	9.50	19.50	
30	25.01.16.1492	Ngô Văn	Sắc	Nam	01/12/1996	9.00	9.00	18.00	
31	25.01.16.1493	Lương Công	Son	Nam	12/04/1993	9.00	8.50	17.50	
32	25.01.16.1494	Nguyễn Trần Nhật	Tân	Nam	21/03/1998	8.00	9.50	17.50	
33	25.01.16.1495	Nguyễn Hồ Như	Thảo	Nữ	31/12/1992	5.50	5.50	11.00	
34	25.01.16.1496	Bùi Minh	Thái	Nam	15/05/1998	6.50	9.00	15.50	
35	25.01.16.1497	Thiên Đại	Thắng	Nam	20/02/1989	6.50	5.00	11.50	+1CS
36	25.01.16.1498	Châu Hoàn	Thiện	Nam	24/12/1994	8.50	9.00	17.50	
37	25.01.16.1499	Nguyễn Chí	Thông	Nam	17/09/1997	8.50	9.50	18.00	+1CS
38	25.01.16.1500	Võ Kiều	Thới	Nữ	07/6/1986	4.00	5.00	9.00	
39	25.01.16.1501	Đình Xuân	Thượng	Nam	05/07/1990	6.00	9.50	15.50	
40	25.01.16.1502	Nguyễn Long	Toàn	Nam	13/02/1994	6.00	5.50	11.50	
41	25.01.16.1503	Hoàng Thị Như	Trang	Nữ	08/05/1990	7.50	8.00	15.50	+1CS

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
42	25.01.16.1504	Đỗ Thị Thùy	Trang	Nữ	26/05/1995	6.50	8.00	14.50	
43	25.01.16.1505	Ngô Minh	Trí	Nam	28/11/1992	7.00	8.50	15.50	
44	25.01.16.1506	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24/01/1988	7.00	8.00	15.00	
45	25.01.16.1507	Lê Tường	Vi	Nữ	27/12/1997	6.50	7.50	14.00	
46	25.01.16.1508	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	01/01/1993	v	v	0.00	
NGÀNH: TÂM THẦN (23)									
1	25.01.18.1552	Trần Thiện	Bình	Nam	06/10/1998	8.00	7.50	15.50	
2	25.01.18.1553	Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	08/03/1980	7.00	5.50	12.50	
3	25.01.18.1554	Trần Thanh	Dũng	Nam	26/02/1991	8.50	7.50	16.00	
4	25.01.18.1555	Lê Phạm Hoàng	Hiệp	Nam	20/11/1995	8.00	9.50	17.50	
5	25.01.18.1556	Lâm Nguyễn Kim	Hồng	Nữ	09/11/1991	5.50	6.50	12.00	
6	25.01.18.1557	Trần Quang	Huy	Nam	11/12/1983	4.00	7.00	11.00	
7	25.01.18.1558	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	16/04/1996	8.50	8.50	17.00	
8	25.01.18.1559	K'	Hương	Nữ	19/06/1995	10.00	8.50	18.50	+1CS
9	25.01.18.1560	Thị	Kiều	Nữ	08/01/1993	6.50	7.50	14.00	
10	25.01.18.1561	K'	Minh	Nam	1/6/1993	6.00	5.50	11.50	
11	25.01.18.1562	Đoàn Diễm	My	Nữ	28/08/1998	9.50	8.50	18.00	+1CS
12	25.01.18.1563	Phan Hồng	Ngọc	Nữ	12/05/1999	7.50	8.50	16.00	
13	25.01.18.1564	Biện Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/10/1991	8.00	9.00	17.00	
14	25.01.18.1565	Lê Thị Thu	Nhi	Nữ	27/09/1995	8.50	9.00	17.50	
15	25.01.18.1566	Nguyễn Yến	Như	Nữ	16/02/1992	v	v	0.00	
16	25.01.18.1567	Trần Mai	Phương	Nữ	07/06/1985	5.50	7.50	13.00	
17	25.01.18.1568	Trần	Phương	Nam	25/11/1995	8.00	7.50	15.50	
18	25.01.18.1569	Huỳnh Trí	Quân	Nam	20/07/1997	8.50	7.50	16.00	
19	25.01.18.1570	Phan Văn	Tài	Nam	06/07/1989	v	v	0.00	
20	25.01.18.1571	Khuất Hoàng Bảo	Trần	Nữ	24/05/1993	8.00	8.50	16.50	
21	25.01.18.1572	Nguyễn Võ Hoàng	Tuấn	Nam	23/02/1997	4.00	8.00	12.00	
22	25.01.18.1573	Trần Văn	Tùng	Nam	08/09/1989	6.50	5.00	11.50	
23	25.01.18.1574	Nguyễn Hồ Tuyết	Vy	Nữ	27/10/1996	9.00	9.00	18.00	
NGÀNH: TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỠC (18)									
1	25.01.40.1690	Nguyễn Quang	Chung	Nam	14/09/1990	5.00	5.50	10.50	
2	25.01.40.1691	Huỳnh Thị Hồng	Diễm	Nữ	01/11/1980	v	v	0.00	
3	25.01.40.1692	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	31/12/1978	8.00	8.50	16.50	
4	25.01.40.1693	Trương Ngọc	Liêm	Nữ	30/03/1993	6.50	7.50	14.00	
5	25.01.40.1694	Hồ Thị Quỳnh	Loan	Nữ	24/03/1979	7.50	7.50	15.00	
6	25.01.40.1695	Cái Thị	Lượng	Nữ	02/06/1996	7.50	8.00	15.50	
7	25.01.40.1696	Lê Thị Yến	Oanh	Nữ	20/02/1987	6.00	6.00	12.00	
8	25.01.40.1697	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	Nữ	13/08/1995	6.00	6.50	12.50	
9	25.01.40.1698	Đặng Minh	Quang	Nam	20/09/1989	7.50	8.00	15.50	
10	25.01.40.1699	Trương Bửu	Tài	Nam	11/10/1989	5.50	6.50	12.00	
11	25.01.40.1700	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	01/10/1990	8.00	8.50	16.50	
12	25.01.40.1701	Nguyễn Quang	Thái	Nam	04/01/1995	9.00	8.50	17.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
13	25.01.40.1702	Trần Thụy Hoàng	Thy	Nữ	10/11/1986	6.00	7.50	13.50	
14	25.01.40.1703	Nguyễn Song Bảo	Trâm	Nữ	18/11/1980	5.00	7.00	12.00	
15	25.01.40.1704	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	06/11/1986	6.00	6.50	12.50	
16	25.01.40.1705	Lê Đình Phương	Tuyển	Nữ	20/09/1982	8.00	8.50	16.50	
17	25.01.40.1706	Mang Thanh	Tú	Nam	20/07/1998	8.00	8.50	16.50	+1CS
18	25.01.40.1707	Đình Hoàng	Yến	Nữ	02/04/1995	8.00	8.50	16.50	
NGÀNH: THẦN KINH (43)									
1	25.01.17.1509	Bùi Đức	An	Nam	03/07/1990	8.50	9.00	17.50	
2	25.01.17.1510	Đỗ Quỳnh	Anh	Nữ	21/02/1998	8.00	8.00	16.00	
3	25.01.17.1511	Lê Thị	Ánh	Nữ	12/03/1994	8.50	7.00	15.50	
4	25.01.17.1512	Vũ Trần Công	Danh	Nam	02/11/1997	9.00	9.00	18.00	
5	25.01.17.1513	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	11/04/1996	8.00	7.00	15.00	
6	25.01.17.1514	Mai Trọng	Duy	Nam	14/08/1996	8.50	7.00	15.50	
7	25.01.17.1515	Đặng Minh	Dũng	Nam	15/06/1970	9.00	8.00	17.00	
8	25.01.17.1516	Nguyễn Hữu	Đan	Nam	02/06/1996	9.00	9.00	18.00	
9	25.01.17.1517	Lê Minh	Đăng	Nam	25/08/1997	8.00	8.00	16.00	
10	25.01.17.1518	Võ Thị Bé	Hai	Nữ	10/09/1995	9.50	6.00	15.50	
11	25.01.17.1519	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	Nữ	11/02/1988	8.50	7.00	15.50	
12	25.01.17.1520	Bùi Thị	Hoài	Nữ	30/12/1994	9.50	9.00	18.50	
13	25.01.17.1521	Hồ Xuân Minh	Hoàng	Nam	12/07/1993	9.00	9.00	18.00	
14	25.01.17.1522	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	11/08/1984	8.50	8.00	16.50	
15	25.01.17.1523	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	29/04/1997	10.00	8.00	18.00	
16	25.01.17.1524	Hoa Trương Mỹ	Kim	Nữ	29/04/1993	8.00	6.00	14.00	
17	25.01.17.1525	Phạm Thị Bích	Liên	Nữ	11/09/1997	v	v	0.00	
18	25.01.17.1526	Phạm Lê Hoàng	Long	Nam	29/11/1995	9.50	9.00	18.50	
19	25.01.17.1527	Mai Thị	Nga	Nữ	09/01/1997	7.00	5.00	12.00	
20	25.01.17.1528	Nguyễn Thái Thùy	Ngân	Nữ	11/05/1996	8.50	9.00	17.50	
21	25.01.17.1529	Mai Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	15/09/1997	9.00	9.00	18.00	
22	25.01.17.1530	Trần Huỳnh	Như	Nữ	29/06/1996	7.00	5.00	12.00	
23	25.01.17.1531	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	11/12/1994	v	v	0.00	
24	25.01.17.1532	Lê Nguyễn Hoàng	Oanh	Nữ	22/11/1996	9.00	9.00	18.00	
25	25.01.17.1533	Trần Vũ Hoài	Phong	Nam	08/07/1989	9.00	8.00	17.00	
26	25.01.17.1534	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	27/06/1996	9.50	9.00	18.50	
27	25.01.17.1535	Đậu Thị Minh	Phượng	Nữ	03/05/1997	8.50	8.00	16.50	
28	25.01.17.1536	Võ Nguyên	Quốc	Nam	04/01/1995	9.00	8.00	17.00	
29	25.01.17.1537	Đặng Thị Kim	Quới	Nữ	09/04/1995	9.00	9.00	18.00	
30	25.01.17.1538	Đình Hùng Thanh	Quyên	Nữ	19/02/1995	8.50	8.00	16.50	
31	25.01.17.1539	Phạm Văn	Quyết	Nam	19/05/1987	6.00	8.00	14.00	
32	25.01.17.1540	Nguyễn Hùng	Sang	Nam	11/10/1996	8.00	7.00	15.00	
33	25.01.17.1541	Trần Văn	Tào	Nam	28/06/1995	9.50	8.00	17.50	
34	25.01.17.1542	Từ Tuấn	Thành	Nam	19/11/1994	9.50	8.00	17.50	
35	25.01.17.1543	Nguyễn Văn	Thảo	Nữ	18/06/1994	9.00	7.00	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
36	25.01.17.1544	Nguyễn Đình	Thị	Nam	23/04/1995	8.50	6.00	14.50	
37	25.01.17.1545	Huỳnh Hữu	Thọ	Nam	11/07/1996	7.50	8.00	15.50	
38	25.01.17.1546	Nguyễn Huỳnh Thiên	Thơ	Nữ	12/06/1997	9.00	7.00	16.00	
39	25.01.17.1547	Nguyễn Thị Nhật	Thu	Nữ	04/05/1993	9.00	8.00	17.00	
40	25.01.17.1548	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	06/12/1995	8.00	9.00	17.00	
41	25.01.17.1549	Ngô Nguyễn Minh	Trung	Nam	08/06/1990	9.00	5.00	14.00	
42	25.01.17.1550	Cao Đăng	Tuyên	Nam	29/10/1996	9.00	9.00	18.00	
43	25.01.17.1551	Trần Thị Bích	Vân	Nữ	09/12/1995	9.50	8.00	17.50	
NGÀNH: TRUYỀN NHIỆM (22)									
1	25.01.19.1579	Lê Thị Huyền	Ân	Nữ	28/01/1997	9.50	6.00	15.50	
2	25.01.19.1580	Đỗ Quang	Hải	Nam	11/07/1995	8.50	6.00	14.50	
3	25.01.19.1581	Phan Diễm	Hoài	Nữ	14/10/1993	9.00	6.00	15.00	
4	25.01.19.1582	Trần Lương Trọng	Hoàng	Nam	22/10/1995	8.50	5.00	13.50	
5	25.01.19.1583	Nguyễn Phú	Khánh	Nam	11/05/1993	9.00	6.00	15.00	
6	25.01.19.1584	Nguyễn Thành	Luân	Nam	18/09/1991	7.50	5.50	13.00	
7	25.01.19.1585	Nguyễn Hoàn	Lực	Nam	10/01/1994	v	v	0.00	
8	25.01.19.1586	Cao Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	13/07/1997	9.50	5.50	15.00	
9	25.01.19.1587	Lê Thị Thùy	Ngân	Nữ	26/09/1995	9.50	7.50	17.00	
10	25.01.19.1588	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	24/11/1996	8.00	6.50	14.50	
11	25.01.19.1589	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	Nữ	27/06/1987	7.00	6.50	13.50	
12	25.01.19.1590	Lê Ngọc Thanh	Nhàn	Nữ	26/12/1995	9.00	8.00	17.00	
13	25.01.19.1591	Trần Thị Hoàng	Oanh	Nữ	14/02/1994	8.50	5.50	14.00	
14	25.01.19.1592	Lê Mậu Thiên	Phúc	Nam	29/01/1997	9.00	6.50	15.50	
15	25.01.19.1593	Võ Nhật	Quang	Nam	19/01/1992	7.50	4.00	11.50	
16	25.01.19.1594	Vũ Văn	Quân	Nam	03/11/1997	9.00	6.00	15.00	
17	25.01.19.1595	Lê Thanh	Thuận	Nam	15/03/1981	7.00	4.00	11.00	
18	25.01.19.1596	Lê Phạm Phương	Trình	Nữ	01/02/1997	8.00	6.50	14.50	
19	25.01.19.1597	Huỳnh Minh	Trí	Nam	18/10/1995	8.50	5.00	13.50	
20	25.01.19.1598	Hồ Thanh	Tuyền	Nữ	02/10/1983	6.00	4.00	10.00	
21	25.01.19.1599	Trần Quang	Vinh	Nam	03/05/1992	7.50	5.00	12.50	
22	25.01.19.1600	Nguyễn Văn	Vĩnh	Nam	20/07/1982	8.50	6.00	14.50	
NGÀNH: UNG BƯỞU (16)									
1	25.01.20.1601	Nguyễn Vũ Trường	An	Nam	04/08/1997	6.00	2.00	8.00	
2	25.01.20.1602	Trịnh Gia	Bảo	Nam	04/10/1995	4.00	5.00	9.00	
3	25.01.20.1603	Viên Bạch Lan	Châu	Nữ	20/08/1995	5.50	3.00	8.50	
4	25.01.20.1604	Bùi Lê	Hoàng	Nam	22/01/1984	v	v	0.00	
5	25.01.20.1605	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	14/10/1998	7.00	5.00	12.00	
6	25.01.20.1606	Trần Hồng	Lĩnh	Nam	13/12/1995	6.00	3.50	9.50	
7	25.01.20.1607	Trần Minh	Lộc	Nam	01/02/1986	8.00	3.50	11.50	
8	25.01.20.1608	Nguyễn Thái Bảo	Ngọc	Nữ	29/11/1998	7.00	5.00	12.00	
9	25.01.20.1609	Cao Thị Tuyết	Nhung	Nữ	29/09/1993	5.00	3.00	8.00	
10	25.01.20.1610	Ngô Nguyễn Yến	Phương	Nữ	09/11/1993	8.50	3.00	11.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
11	25.01.20.1611	Dương Hoàng Nhật	Quang	Nam	16/06/1995	6.00	5.00	11.00	
12	25.01.20.1612	Trần Văn	Quang	Nam	16/04/1985	5.50	3.00	8.50	
13	25.01.20.1613	Huỳnh Thị Thu	Thảo	Nữ	04/09/1998	6.00	5.00	11.00	
14	25.01.20.1614	Châu Minh	Thoại	Nam	07/08/1996	7.00	5.00	12.00	
15	25.01.20.1615	Châu Thị Thanh	Thúy	Nữ	10/12/1994	6.00	5.00	11.00	+1CS
16	25.01.20.1616	Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	28/05/1997	7.00	5.00	12.00	
NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC (13)									
1	25.01.21.1617	Trịnh Văn	Dược	Nam	25/02/1970	5.50	6.00	11.50	
2	25.01.21.1618	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/05/1991	8.50	7.00	15.50	
3	25.01.21.1619	Hà Thọ Minh	Huyền	Nữ	23/07/1983	7.00	6.00	13.00	
4	25.01.21.1620	Đặng Thành	Long	Nam	22/11/1997	9.00	8.00	17.00	
5	25.01.21.1621	Đinh Thị Ngọc	Lợi	Nữ	15/02/1995	6.00	8.00	14.00	
6	25.01.21.1622	Lê Thùy Phương	Ngân	Nữ	03/11/1999	6.00	5.50	11.50	
7	25.01.21.1623	Lê Thị Thanh	Nhã	Nữ	18/03/1995	5.00	6.00	11.00	
8	25.01.21.1624	Vũ Thị Huỳnh	Như	Nữ	02/10/1995	8.00	7.50	15.50	
9	25.01.21.1625	Lê Hoàng	Quân	Nam	17/03/1996	6.00	5.00	11.00	
10	25.01.21.1626	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	01/01/2000	6.50	5.00	11.50	
11	25.01.21.1627	Nguyễn Bảo	Thương	Nam	10/07/1995	7.50	8.50	16.00	
12	25.01.21.1628	Phạm Thị Tú	Trinh	Nữ	30/03/1988	8.00	6.00	14.00	
13	25.01.21.1629	Đỗ Đặng Thanh	Tuyền	Nữ	21/03/1983	8.50	7.50	16.00	
NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH (46)									
1	25.01.22.1630	Nguyễn Việt	Cường	Nam	23/05/1994	5.50	7.50	13.00	
2	25.01.22.1631	Lê Hoàng	Dân	Nữ	04/10/1994	3.50	8.00	11.50	
3	25.01.22.1632	Hồ Thị Mỹ	Dung	Nữ	14/11/1988	5.50	7.50	13.00	
4	25.01.22.1633	Lê Anh	Duy	Nam	04/07/1996	v	v	0.00	
5	25.01.22.1634	Huỳnh Tiểu	Đào	Nữ	12/9/1994	8.00	8.00	16.00	
6	25.01.22.1635	Đàm Thị Thu	Hà	Nữ	10/10/1998	10.00	8.50	18.50	+1CS
7	25.01.22.1636	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	24/09/1995	10.00	8.00	18.00	
8	25.01.22.1637	Văn Công	Khang	Nam	28/8/1997	8.50	9.00	17.50	
9	25.01.22.1638	Trần Huỳnh	Lan	Nữ	01/02/1991	10.00	8.50	18.50	
10	25.01.22.1639	Triệu Thị	Liên	Nữ	23/02/1991	6.00	7.00	13.00	
11	25.01.22.1640	Lê Thị Hoài	Linh	Nữ	22/8/1996	8.00	7.00	15.00	
12	25.01.22.1641	Trần Thị Phương	Linh	Nữ	05/01/1996	5.00	5.50	10.50	
13	25.01.22.1642	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	28/02/1992	9.50	8.00	17.50	
14	25.01.22.1643	Phạm Thị	Loan	Nữ	01/05/1995	3.00	7.00	10.00	
15	25.01.22.1644	Lê Thị Phương	Loan	Nữ	07/01/1994	10.00	8.50	18.50	
16	25.01.22.1645	Nguyễn Văn	Lợi	Nam	19/10/1995	7.50	7.50	15.00	
17	25.01.22.1646	Trần Thị Mỹ	Lợi	Nữ	02/03/1997	9.00	9.00	18.00	
18	25.01.22.1647	Nguyễn Thị Bích	Luận	Nữ	26/02/1996	10.00	7.50	17.50	
19	25.01.22.1648	Đoàn Vũ	Lực	Nam	20/03/1996	10.00	7.50	17.50	
20	25.01.22.1649	Thông Minh	Nam	Nam	10/08/1997	3.00	6.00	9.00	+1CS
21	25.01.22.1650	Nguyễn Thị Phương	Nam	Nữ	10/06/1997	6.50	7.00	13.50	



STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN		
22	25.01.22.1651	Lê Tấn	Nghĩa	Nam	20/01/1996	8.00	7.50	15.50	
23	25.01.22.1652	Đặng Vũ Minh	Ngọc	Nữ	17/09/1996	6.50	7.50	14.00	
24	25.01.22.1653	Lê Thị	Ngọc	Nữ	13/12/1996	7.50	8.00	15.50	
25	25.01.22.1654	Nguyễn Hoàng Phúc	Nguyễn	Nam	20/11/1996	4.00	6.50	10.50	
26	25.01.22.1655	Điêu Minh	Nhật	Nam	09/01/1994	10.00	7.00	17.00	
27	25.01.22.1656	Mai Hồng	Nhung	Nữ	21/03/1991	5.00	8.00	13.00	
28	25.01.22.1657	Tăng Văn	Phú	Nam	16/08/1996	9.50	8.00	17.50	
29	25.01.22.1658	Võ Hoàng	Phúc	Nam	11/11/1999	8.00	9.00	17.00	
30	25.01.22.1659	Nguyễn Đăng	Quang	Nam	13/07/1994	7.50	7.00	14.50	
31	25.01.22.1660	Huỳnh Ngọc Minh	Quân	Nam	27/07/1998	10.00	8.50	18.50	
32	25.01.22.1661	Bùi Ngọc Linh	San	Nữ	15/04/1993	4.50	6.50	11.00	
33	25.01.22.1662	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	27/11/1998	9.00	8.00	17.00	
34	25.01.22.1663	Nguyễn Thuỳ Kim	Thanh	Nữ	06/01/1994	6.00	9.00	15.00	
35	25.01.22.1664	Nông Thị Thu	Thảo	Nữ	24/09/1995	9.00	7.50	16.50	
36	25.01.22.1665	Nguyễn Hồng	Thắm	Nữ	01/10/1997	10.00	7.50	17.50	
37	25.01.22.1666	Phạm Thị	Thương	Nữ	31/12/1991	9.50	9.50	19.00	
38	25.01.22.1667	Đào Hứa Trọng	Tín	Nam	06/12/1991	2.50	8.50	11.00	
39	25.01.22.1668	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/08/1995	10.00	8.00	18.00	
40	25.01.22.1669	Phan Đình Vĩnh	Trâm	Nữ	01/01/1995	5.50	8.50	14.00	
41	25.01.22.1670	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	Nữ	07/02/1998	9.50	9.50	19.00	
42	25.01.22.1671	Phạm Tăng Trí	Tuệ	Nam	02/06/1999	5.00	8.00	13.00	
43	25.01.22.1672	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	24/12/1996	8.50	9.00	17.50	
44	25.01.22.1673	Phạm Đức	Tùng	Nam	17/12/1996	1.50	8.00	9.50	
45	25.01.22.1674	Bùi Mai Hoàng	Tú	Nữ	25/10/1988	3.50	8.00	11.50	
46	25.01.22.1675	Nguyễn Thị Thanh	Yến	Nữ	23/09/1999	10.00	8.00	18.00	

Danh sách có 1,717 thí sinh

Ghi chú: Điểm trên đã bao gồm cộng 1.00 điểm vào môn cơ sở. / 76

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH